

Số: 463/2020/DS-PT

Ngày: 11/12/2020

V/v: “*Tranh chấp chia thừa kế*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

-Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Nam

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Thị Thuý

Bà Nguyễn Thị Lan Anh

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Lan, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội: Bà Trần Thị Ngoan - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 296/2020/TLPT-DS ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “*tranh chấp chia thừa kế*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS-ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 425/2020/QĐ-PT ngày 02 tháng 10 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Bà Chu Thị Ngọc C, sinh năm 1956 (*có mặt tại phiên tòa*);

2. Ông Chu Kế Tr, sinh năm 1967 (*có mặt tại phiên tòa*);

3. Bà Chu Thị Ng, sinh năm 1961 (*có mặt tại phiên tòa*);

Đều trú tại: Số 59 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

4. Bà Chu Thị Na, sinh năm 1963 (*có mặt tại phiên tòa*);

Trú tại: Số 10, phố Hàng Bè, phường Hàng Bạc, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

5. Ông Chu Văn Th, sinh năm 1959 (chết ngày 21/3/2020) ;

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Thông gồm :

5.1 Bà Dương Thị Bích H, sinh năm 1966 (*vợ của ông Thông*) ;

5.2 Anh Chu Tuấn H, sinh năm 1997 (*con của ông Thông, bà Hiền*);

5.3 Anh Chu Tuấn A, sinh năm 1999 (*con của ông Thông, bà Hiền*);

HKTT : Số 59 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Số 1C, ngõ 211 Lâm Du, Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội

5.4 Anh Chu Ngọc K, sinh năm 1990 (*con của ông Thông, bà Hiền*);

HKTT: Số 59 Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Số 1C, ngõ 211 Lâm Du, Bồ Đề, quận Long Biên, Hà Nội .

Bà Dương Thị Bích H, anh Chu Tuấn H, anh Chu Tuấn A có đơn xin vắng mặt tại phiên toà và điều uỷ quyền cho anh Chu Ngọc K tham gia tố tụng (*theo Giấy uỷ quyền ngày 23/10/2020 lập tại Toà án nhân dân thành phố Hà Nội. Anh K có mặt tại phiên toà*).

** Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đồng nguyên đơn: Bà Chu Thị Ngọc C, ông Chu Kế Tr, bà Chu Thị Na, anh Chu Ngọc Khánh là bà Phan Thị Kim T - Luật sư Văn phòng Luật sư A & A, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội (bà T có mặt tại phiên toà).*

Bị đơn:

Ông Chu Văn B, sinh năm 1957 (*có mặt tại phiên toà*);

HKTT: Thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Chu Văn B là ông Đỗ Minh Hiền - Luật sư Văn phòng Luật sư JVN, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội (*ông Hiền có mặt tại phiên toà*).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chu Kế P, sinh năm 1964 (*có mặt tại phiên toà*) ;

Trú tại: 30D5, đường DD9 Khu phố 4 (KP4) phường Tân Hưng Thuận, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Nguyễn Trọng C, sinh 1956 (*có mặt tại phiên toà*) ;

3. Anh Nguyễn Trọng G, sinh năm 1984 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

4. Chị Nguyễn Thị Thu N, sinh năm 1982 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

Cùng trú tại: Số 37, phố Hàng Vải, phường Hàng Bồ, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

5. Bà Chu Thị H, sinh năm 1961 (*có mặt tại phiên toà*) ;

Trú tại: Thôn Cương Ngô, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội

6. Ông Chu Ngọc Ch, sinh năm 1954 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

Trú tại: Số 449/64, đường Sư Vạn Hạnh nối dài, phường 12, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh ;

7. Bà Chu Thị A, sinh năm 1952 (*vắng mặt tại phiên toà*)

8. Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1959 (*có mặt tại phiên toà*) ;
9. Chị Chu Thị Thanh X, sinh năm 1985 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;
10. Anh Chu Văn Nh, sinh năm 1984 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;
11. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1985 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;
12. Ông Nguyễn Mạnh D, sinh năm 1954 (chết ngày 14/2/2019)

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Doanh là :

12.1 Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1961 (vợ ông Doanh. Bà Thom có đơn xin xét xử vắng mặt).

12.2. Anh Nguyễn Mạnh Đ, sinh năm 1980 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

12.3. Chị Nguyễn Thị Hồng Th, sinh năm 1983 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

Cùng trú tại: Thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội

12.4. Chị Nguyễn Thanh T, sinh năm 1984 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

Trú tại: Số 17, Nguyễn Huy Tự, phường Bạch Đằng, Hai Bà Trưng, Hà Nội

13. Ông Nguyễn Mạnh Nh, sinh năm 1960 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

Trú tại: Thôn Cổ Điện A, Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội

14. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1964 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

Trú tại: Thôn Phương Nhị, xã Liên Ninh, huyện Thanh Trì, Hà Nội

15. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1968 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

Trú tại: Xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội

16. Cụ Trần Thị N, sinh năm 1940 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

17. Ông Chu Chiến T, sinh năm 1962 (*có mặt tại phiên toà*) ;

Cùng trú tại: Nhà A4, phòng 78, Tập thể Bắc Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, quận Cầu Giấy, Hà Nội;

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của ông Chu Chiến T là bà Phan Thị Kim T - Luật sư Văn phòng Luật sư A & A, thuộc đoàn luật sư thành phố Hà Nội (bà Tiến có mặt tại phiên toà).

18. Ông Chu Ng (tức Chu Hồng Ng), sinh năm 1972 (*vắng mặt tại phiên toà*) ;

Trú tại: Phòng G2-14.08, Chung cư Galaxy 9, số 9, phố Nguyễn Khoái, Phường 1, quận 4, thành phố Hồ Chí Minh ;

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Ng : Ông Chu Chiến T, sinh năm 1962 Trú tại: Nhà A4, phòng 78, Tập thể Bắc Nghĩa Tân, phường Nghĩa Tân, Cầu Giấy, Hà Nội (theo Giấy uỷ quyền lập ngày 22/10/2020, công chứng tại Văn phòng công chứng Bến Thành. Ông T có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Chu Thị Ngọc C (tức Chu Ngọc C), ông Chu Văn Th, bà Chu Thị N, ông Chu Kế Tr, bà Chu Thị Na thống nhất trình bày:

Ông bà nội các ông bà (đồng nguyên đơn) là cô Chu Văn Lượng và cô Chử Thị Mùi sinh được 03 người con là cụ Chu Văn Vượng (bố của các ông bà), cụ Chu Thị Thịnh và cụ Chu Ngọc Minh.

Sinh thời cô Mùi và cô Lượng có ngôi nhà 5 gian, sân, tường hoa và mấy khóm tre trên diện tích 1.880m² đất thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội; theo bản đồ năm 1994 là thửa số 01, 18, 19, tờ bản đồ số 5 có tổng diện tích là 1.770m² bao gồm cả đất ở và đất ao tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Hai cô cùng ba người con sống ở nhà, đất nêu trên, đến khi trưởng thành thì cụ Thịnh, cụ Minh đều đi nơi khác ở chỉ còn cụ Vượng ở cùng hai cô. Cụ Vượng có hai người vợ là cụ Nguyễn Thị Nghĩ và cụ Chu Thị Nhận.

Cụ Vượng và cụ Nghĩ, sinh được 4 người con chung là bà Chu Thị Hòa, ông Chu Ngọc Châu, ông Chu Văn Bảo và bà Chu Thị Hương.

Cụ Vượng và cụ Nhận sinh được 07 người con là bà Chu Thị Ngọc Cầm, bà Chu Thị Vân, ông Chu Văn Thông, bà Chu Thị Nguyệt, bà Chu Thị Ngân, ông Chu Kế Nghiệp, và ông Chu Kế Truyền.

Ngoài ra cụ Vượng, cụ Nghĩ, cụ Nhận không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

Thời gian đầu cụ Vượng, cụ Nghĩ và cụ Nhận đều ở tại nhà đất thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 02, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, sau này do có mâu thuẫn với cụ Nghĩ nên cụ Nhận, cụ Vượng đã chuyển đi nơi khác ở. Tại nhà đất này chỉ còn cụ Nghĩ và các con của cụ Nghĩ.

Năm 1945 cô Mùi chết. Năm 1950 cô Lượng chết. Trước khi chết, hai cô đều không để lại di chúc phân chia tài sản gì. Thời gian đầu, tài sản của cô Lượng, cô Mùi do cụ Vượng, cụ Nghĩ quản lý, sử dụng. Sau khi cụ Vượng, cụ Nhận chuyển đi nơi khác ở, nhà đất này do cụ Nghĩ quản lý, sử dụng.

Từ trước đến nay, tại nhà đất của cô Lượng, cô Mùi chỉ có ông Chu Văn Bảo ở, còn bà Hòa, bà Hương, ông Châu sau khi trưởng thành đều đi nơi khác. Bà Hòa đi làm công nhân, sau khi về hưu lại về nhà đất này xây nhà ở cùng ông Bảo.

Năm 1982, ông Bảo kết hôn với bà Nguyễn Thị Vinh. Ông Bảo và bà Vinh cùng 2 con là anh Chu Văn Thành và chị Chu Thị Thanh Xuân đều đã lập gia đình và hiện đang ở cùng ông Bảo. Quá trình quản lý, sử dụng đất, năm 2001 vợ chồng ông Bảo đã xây 01 ngôi nhà 2 tầng, bếp, sân và có san lấp một phần đất ao để quản lý, sử dụng. Ngoài ra, vợ chồng ông Bảo không có công sức gì khác trên đất.

Cụ Vượng chết năm 1990, cụ Nghĩ chết năm 2011, cụ Nhạn chết năm 2017. Trước khi chết các cụ đều không để lại di chúc gì.

Cụ Chu Thị Thịnh có chồng là cụ Nguyễn Mạnh Hiện (chết năm 1986). Hai cụ có 04 người con là: ông Nguyễn Mạnh Doanh (chết năm 2019, có 3 con là Nguyễn Mạnh Đức, Nguyễn Thị Hồng Thắng và Nguyễn Thị Thanh Thủy), ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận. Năm 2017 cụ Thịnh chết, trước khi chết, cụ Thịnh có văn bản chỉ xin nhận 100m² đất là tài sản thừa kế của cô Lượng và cô Mùi để lại, phần còn lại trong kỷ phần thừa kế của cụ, cụ chia đều cho 13 người cháu là con của cụ Vượng và cụ Minh.

Cụ Chu Ngọc Minh (tên gọi khác là Chu Văn Hiếu), có vợ là cụ Trần Thị Lan. Hai cụ có 02 người con là ông Chu Chiến Hữu và ông Chu Long. Cụ Minh chết năm 2014. Trước khi chết, cụ Minh không để lại di chúc.

Từ khoảng năm 2008, anh chị em trong gia đình các ông bà đã nhiều lần yêu cầu ông Bảo phân chia tài sản của bố mẹ để lại để các anh chị em về cùng xây nhà ở trên đất nhưng ông Bảo không nghe nên dẫn đến anh em trong gia đình mâu thuẫn. UBND xã Tứ Hiệp đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành.

Nay các ông, bà khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà đất của các cô để lại thuộc thửa đất số 2 tờ bản đồ số 02 có tổng diện tích là 1.880m² tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội theo quy định của pháp luật. Các ông, bà xin được chia hưởng bằng hiện vật để có chỗ ở và nơi thờ cúng các cụ.

Đối với yêu cầu độc lập của ông Hữu, ông Long đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bị đơn - ông Chu Văn Bảo trình bày:

Ông Bảo xác nhận lời trình bày của các đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống; về di sản của cô Chu Văn Lượng và cô Chủ Thị Mùi để lại; về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng đất.

Ông Bảo xác nhận quá trình quản lý, sử dụng đất, cụ Nghĩ không xây dựng tôn tạo gì đối với di sản của hai cô để lại. Khi vợ chồng ông Bảo quản lý, sử dụng nhà đất của hai cô có xây dựng nhà 2 tầng, bếp, bể sân trước nhà và san lấp một phần đất ao

để sử dụng. Hiện ở trên thửa đất này có ông Chu Văn Bảo vợ là bà Nguyễn Thị Vinh cùng vợ chồng con trai ông là Chu Văn Thành, vợ là Nguyễn Thị Hương và hai con của anh Thành hiện còn nhỏ cùng con gái ông là chị Chu Thị Thanh Xuân và chị gái của ông Bảo là bà Chu Thị Hòa.

Nay các đồng nguyên đơn là bà Chu Ngọc Cẩm, ông Chu Văn Thông, bà Chu Thị Nguyệt, ông Chu Kế Truyền, bà Chu Thị Ngân khởi kiện yêu cầu chia thừa kế tài sản là nhà, đất của các cố để lại tại thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội và ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long có yêu cầu độc lập về việc đòi quyền thừa kế của cụ Minh đối với thửa đất trên, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long có yêu cầu độc lập. Quá trình giải quyết vụ án thống nhất trình bày:

Ông Hữu, ông Long xác nhận lời trình bày của các đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về di sản của cố Mùi, cố Lượng để lại và về nguồn gốc đất và quá trình quản lý, sử dụng đất. Sau khi hai cố chết, cụ Minh và cụ Nhận đã đến UBND xã Tứ Hiệp yêu cầu chia thừa kế từ năm 2012, nhưng vẫn chưa giải quyết được. Sau khi hai cụ chết, các con của hai cụ vẫn tiếp tục yêu cầu UBND xã Tứ Hiệp giải quyết, do không giải quyết được nên phải khởi kiện ra Tòa án.

Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế, các ông đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Ông Hữu, ông Long có yêu cầu độc lập đòi quyền thừa kế của cụ Minh đối với thửa đất các nguyên đơn hiện đang khởi kiện ông Bảo. Ông Hữu, ông Long xin được chia chung một khối tài sản thừa kế của cụ Minh.

2. Ông Chu Ngọc Châu trình bày:

Ông Châu xác nhận lời trình bày của các nguyên đơn về quan hệ huyết thống. Khi bố mẹ ông còn sống không tạo lập được tài sản nào ngoài nhà đất tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội do ông bà nội (cố Lượng, cố Mùi) để lại cho bố ông. Trên đất có nhà ngói 5 gian do cố Lượng, cố Mùi xây dựng. Anh chị em ruột và mẹ ông ở tại nhà này đến khi các anh, em trưởng thành. Ông Châu không đóng góp công sức gì nhưng có công gìn giữ căn nhà khi còn ở tại đây. Từ năm 1971 đến nay ông Châu không ở đây nữa, ông chưa được bố mẹ chia tài sản gì. Bố ông (cụ Vượng) chết năm 1990, mẹ ông (cụ Nghĩ) chết năm 2011 đều không để lại di chúc. Hiện em ông là Chu Văn Bảo đang quản lý tài sản bố mẹ để lại.

Nay đồng nguyên đơn khởi kiện, ông Châu đề nghị giữ lại nhà từ đường để thờ cúng tổ tiên theo nguyện vọng của bố mẹ ông; ông Châu không đồng ý chia nhà, đề nghị được hưởng kỷ phần thừa kế theo quy định của pháp luật. Đối với yêu cầu độc lập của ông Hữu, ông Long, đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ông Chu Kế Nghiệp, bà Chu Thị Hương trình bày:

Ông Nghiệp, bà Hương xác nhận lời trình bày của các đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống, di sản của hai cố để lại cũng như trước khi chết hai cố Lượng, cố Mùi và bố mẹ các ông, bà đều không để lại di chúc; quá trình quản lý, sử dụng gia đình ông Bảo đã xây dựng một số công trình để sử dụng. Ông Nghiệp, bà Hương không có công sức tôn tạo gì đối với di sản của hai cố để lại. Các nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế theo quy định của pháp luật; ông Long, ông Hữu đòi quyền thừa kế của cụ Minh, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết. Ông Nghiệp xin được chia chung kỷ phần thừa kế với các nguyên đơn.

4. Ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng, chị Nguyễn Thanh Thủy thống nhất trình bày:

Các ông, bà xác nhận lời trình bày của đồng nguyên đơn về quan hệ huyết thống, về di sản cố Chu Văn Lượng, cố Chủ Thị Mùi để lại, về thời điểm chết của các cố, của cụ Thịnh, cụ Minh, cụ Vượng. Việc tranh chấp chia thừa kế này xảy ra khi cụ Thịnh còn sống, UBND xã Tứ Hiệp đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành, vì vậy trước khi chết, cụ Thịnh có để lại văn bản về việc nhận tài sản thừa kế của cố Lượng, cố Mùi. Theo văn bản này cụ Thịnh chỉ xin nhận 100m² đất trong kỷ phần cụ được hưởng, phần còn lại cụ chia đều cho 13 người cháu là con của cụ Minh và cụ Vượng. Nay các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long khởi kiện và có yêu cầu độc lập chia thừa kế theo pháp luật, các ông, bà và các anh chị giữ nguyên quan điểm của cụ Thịnh, chỉ xin nhận 100m² đất trong kỷ phần của cụ Thịnh, phần còn lại của cụ Thịnh chia đều cho 13 người cháu là con của cụ Minh và cụ Vượng.

5. Ông Nguyễn Trọng Cường trình bày: Năm 1979, ông Cường kết hôn với bà Chu Thị Vân. Ông Cường, bà Vân có 03 người con là chị Nguyễn Thị Thúy Hằng (đã chết năm 1996, không có chồng, con gì), chị Nguyễn Thị Thu Huyền và anh Nguyễn Trọng Hùng. Sau khi bà Vân chết, ông đã kết hôn với người khác. Nay các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chu Chiến Hữu, Chu Long khởi kiện và có yêu cầu độc lập chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của

cố Lượng, cố Mùi để lại, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, ông Cường xin nhận kỷ phần thừa kế của chị Huyền, anh Hùng nhường cho.

6. Chị Nguyễn Thị Thu Huyền và anh Nguyễn Trọng Hùng (con ông Cường, bà Vân) thống nhất trình bày:

Anh chị là con của bà Chu Thị Vân và ông Nguyễn Trọng Cường, là cháu ngoại của cụ Vượng, cụ Nhận. Năm 1990 bà Vân chết, trước khi chết bà Vân không để lại di chúc gì. Anh, chị được biết nhà đất hiện nay gia đình ông Bảo đang quản lý sử dụng tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội là của cố Vượng, cố Mùi để lại. Nay các đồng nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chu Chiến Hữu, Chu Long khởi kiện và có yêu cầu độc lập chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cố Lượng, cố Mùi để lại, các anh chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Nếu anh chị được hưởng kỷ phần thừa kế của bà Vân thì xin nhường $\frac{1}{2}$ số tài sản anh chị được hưởng cho ông Nguyễn Trọng Cường, $\frac{1}{2}$ còn lại anh chị nhường cho bác ruột là bà Chu Thị Ngọc Cẩm, các di là bà Chu Thị Ngân, bà Chu Thị Nguyệt và cậu là ông Chu Kế Truyền.

7. Cụ Trần Thị Lan (vợ cụ Chu Ngọc Minh) trình bày:

Cụ Trần Thị Lan và cụ Chu Ngọc Minh có hai người con chung là ông Chu Chiến Hữu và ông Chu Long, ngoài ra hai cụ không còn người con nuôi, con riêng nào khác. Cụ được biết bố mẹ chồng cụ là cố Chu Văn Lượng và cố Chử Thị Mùi có khối tài sản là nhà, đất thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.880m² tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội hiện nay vợ chồng ông Chu Văn Bảo đang quản lý, sử dụng. Khi còn sống hai cô đã cho cụ Minh một nửa diện tích thửa đất nêu trên (việc cho đất này không có văn bản gì) vì vậy khi còn sống cụ Minh đã ủy quyền cho con trai là ông Chu Chiến Hữu về gặp để giải quyết nhưng đến tận năm 2014 cụ Minh chết vẫn chưa giải quyết được. Nay các đồng nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật và ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long là con trai cụ có yêu cầu khởi kiện yêu cầu đòi quyền thừa kế, đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật để giải quyết. Nếu được hưởng tài sản, cụ Lan xin được chia chung với ông Hữu và ông Long.

8. Bà Nguyễn Thị Vinh, anh Chu Văn Thành, chị Nguyễn Thị Hương, chị Chu Thị Thanh Xuân và bà Chu Thị Hòa được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không chấp hành nghĩa vụ của đương sự; không cung cấp lời khai, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 48/2019/DS - ST, ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì đã xét xử:

Xử: Chấp nhận yêu cầu chia thừa kế theo pháp luật của Bà Chu Thị Ngọc Cẩm, ông Chu Văn Thông, ông Chu Kế Truyền, bà Chu Thị Nguyệt, bà Chu Thị Ngân.

Chấp nhận yêu cầu đòi quyền thừa kế tài sản của ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long

Xác nhận di sản của hai cố Mùi, cố Lượng là ngôi nhà 5 gian, sân gạch, bức tường xây tường, tường hoa và tre trên diện tích 1855,6m² đất thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội có giá trị là 47.712.497.207đ.

- Xác nhận công sức duy trì quản lý di sản của ông Bảo có giá trị là 6.816.068.458đ.

- Xác nhận thời điểm mở thừa kế của cố Lượng là năm 1950; cố Mùi là năm 1945.

- Xác nhận di sản thừa kế của hai cố được chia theo pháp luật.

- Xác nhận hàng thừa kế của hai cố là cụ Vượng, cụ Thịnh, cụ Minh.

- Xác nhận cụ Vượng chết năm 1990, cụ Minh chết năm 2014, cụ Thịnh chết năm 2017.

- Xác nhận những người được hưởng thừa kế thế vị của cụ Vượng là ông Bảo, ông Châu, bà Hương, bà Hòa, bà Cẩm, bà Ngân, bà Nguyệt, ông Truyền, ông Thông, ông Nghiệp, anh Hùng, chị Huyền .

- Xác nhận những người được hưởng thừa kế thế vị của cụ Thịnh là anh Nguyễn Mạnh Đức, Nguyễn Thị Hồng Thắng và Nguyễn Thị Thanh Thủy, ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận.

- Xác nhận những người được hưởng thừa kế thế vị của cụ Minh là ông Hữu, ông Long

- Xác nhận mỗi kỹ phần thừa kế của cố Mùi, cố Lượng có giá trị là 13.632.136.916đ.

- Xác nhận mỗi người con của cụ Vượng được hưởng kỹ phần thừa kế của cụ là 1.239.285.174đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Mạnh Đức, Nguyễn Thị Hồng Thắng và Nguyễn Thị Thanh Thủy, ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận chỉ nhận 100m² đất trong kỹ phần thừa kế của cụ Thịnh.

- Ghi nhận việc nhường số còn lại trong kỷ phần thừa kế của cụ Thịnh cho ông Bảo, ông Châu, bà Hương, bà Hòa, bà Cẩm, bà Ngân, bà Nguyệt, ông Truyền, ông Thông, ông Nghiệp, bà Vân, ông Hữu, ông Long và mỗi phần có giá trị là 841.241.302đđ.

- Ghi nhận việc chị Huyền, anh Hùng nhường 1/2 giá trị phần tài sản mình được nhận cho ông Cường, 1/2 giá trị tài sản còn lại nhường cho bà Cẩm, bà Ngân, bà Nguyệt và ông Truyền. Ông Cường được nhận là 1.040.263.283đ; Bà Cẩm, bà Ngân, bà Nguyệt, ông Truyền, mỗi ông bà được nhận là 260.065.809đ.

- Ghi nhận việc nhường 1/4 giá trị tài sản được hưởng của ông Chu Văn Thông cho ông Chu Kế Truyền có giá trị là 520.131.619đ

Chia hiện vật cụ thể như sau:

1. Chia ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long quản lý, sở hữu, sử dụng 01 cây khế, 01 cây sung, 02 cây roi trên diện tích 445,2m² đất (trong đó có 400m² đất ở vị trí 1 và 45,2m² đất giá trị đất ao) thuộc một phần thừa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Điển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới như sau (sơ đồ phân chia là ô số 11)

- Phía Bắc giáp đường đi và đất công dài 15,62m
- Phía Nam giáp đất ông Bảo được chia dài 23m.
- Phía Tây lối đi chung dài 23,86m
- Phía Đông có các đoạn gấp khúc dài 5,34m; 1,71m; 1,25m; 5,92m; 3,34m; 0,66m; 6,35m; 3,45m

2. Chia ông Chu Văn Bảo sở hữu, quản lý, sử dụng 42,9m² nhà lợp ngói kết hợp Proximang; bức bình phong xây tường, sân gạch cũ diện tích 41,6m² cùng các công trình do gia đình ông Bảo xây dựng là nhà 2 tầng; nhà mái bằng 1 tầng; 01 nhà tạm kết cấu khung thép, mái lợp tôn; bể nước trên mái nhà; bể nước 7,68m³; nhà tạm kết cấu khung thép và lưới B40; mái lợp tôn; nhà tạm khung thép mái Proximang, tường xây lan can và các cây do gia đình ông Bảo trồng trên diện tích 388m²(trong đó có 360m² đất ở vị trí 3 và 28,8m² đất giá trị đất ao) thuộc một phần thừa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Điển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 10)

- Phía Bắc giáp đất ông Hữu được chia dài 23m
- Phía Nam giáp đất bà Hương, ông Cường được chia dài 19,5m
- Phía Tây giáp lối đi chung dài 19,37m
- Phía Đông có các đoạn gấp khúc dài 7,12m; 1,51m; 3,56m; 5,98m.

3. Chia ông Nguyễn Trọng Cường quản lý, sở hữu, sử dụng nhà ngói kết hợp lợp Proximang có tổng diện tích 25,4m²; 02 cây chuối; 01 cây cau trên diện tích 42m² đất (trong đó 15m² đất ở tại vị trí 3, 27m² đất có giá trị đất ao) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 09)

- Phía Bắc giáp đất ông Bảo được chia dài 5,99m
- Phía Nam giáp lối đi chung dài 6,08m
- Phía Tây giáp bà Hương được chia dài 7,09m
- Phía Đông có các đoạn gấp khúc dài 6,62m; 0,46m; 0,75m

4. Chia bà Chu Thị Hương quản lý, sở hữu, sử dụng nhà xây gạch không mái có diện tích 5,8m²; tường hoa cao 0,8, dài 3,17m; sân gạch cũ 27,5m²; Nhà tạm kết cấu khung thép và lưới B40, quay bạt lợp tôn diện tích 4,3m²; nhà 1 tầng mái lợp proximang có diện tích 4,3m²; nhà 1 tầng mái lợp Proximang có diện tích 10,7m² trên diện tích 80m² đất (trong đó có 40m² đất ở tại vị trí 3, 40m² đất giá trị đất ao) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 12)

- Phía Bắc giáp đất ông Bảo được chia dài 13,51m
- Phía Nam giáp đất bà Hòa được chia ngõ đi chung có các đoạn gấp khúc dài 10,08m; 1,7m.
- Phía Tây giáp ngõ đi chung dài 5,92m
- Phía Đông giáp đất ông Cường được chia dài 7,09m

5. Chia bà Chu Thị Hòa quản lý, sở hữu, sử dụng nhà mái bằng, sân gạch diện tích 18,6m², sân bê tông diện tích 6,9m²; nhà tạm kết cấu cột tròn thép diện tích 13m² và 9 cây chuối trên diện tích 84m² đất (trong đó có 40m² đất ở vị trí 3 và 44m² đất giá trị đất ao) thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 08)

- Phía Bắc giáp đất bà Hương được chia, ngõ đi chung và đất các con cụ Thịnh được chia dài 14,23m
- Phía Nam có các đoạn gấp khúc dài 2,1m; 0,31m; 0,76m; 0,85m; 2,45m; 0,16m, 0,75m; 2,34m, 0,18m; 2,89m; 1,62m; 3,66m
- Phía Tây dài 2,54m
- Phía Đông giáp đất bà Hương được chia và ngõ đi chung 3,96m

6. Chia anh Nguyễn Mạnh Đức, Nguyễn Thị Hồng Thắng và Nguyễn Thị Thanh Thủy, ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận quản lý, sở hữu, sử dụng 2 khóm tre 80 cây trên diện tích 100m² đất thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới như sau (sơ đồ phân chia là ô số 1)

- Phía Bắc giáp đường và đất công có các đoạn gấp khúc dài 5,21m; 1,4m
- Phía Nam giáp đất ông Thông được chia dài 13,01m
- Phía Tây có các đoạn gấp khúc dài 7,08m; 3,13m; 1,59m
- Phía Đông ngõ đi chung dài 10,29m.

7. Chia ông Chu Kế Nghiệp quản lý, sử dụng 83,69m² đất (trong đó có 30m² đất ở vị trí 3; 53,69m² đất giá trị đất ao) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 7)

- Phía Bắc giáp đất bà Nguyệt được chia có các đoạn gấp khúc dài 5,59m; 16,47m
- Phía Nam có các đoạn gấp khúc 7,42m; 10,44m
- Phía Tây dài 4,04m
- Phía Đông giáp ngõ đi chung và đất bà Hòa được chia có các đoạn gấp khúc dài 0,86m; 2,14m; 3m

8. Chia ông Chu Văn Thông quản lý, sở hữu, sử dụng 02 khóm tre có 40 cây; cổng và trụ cổng bằng thép trên diện tích 63,55m² đất (trong đó có 19,6m² đất ở vị trí 3; 43,95m² đất có giá trị đất ao) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà, có ranh giới cụ thể như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 2)

- Phía Bắc giáp đất các con cháu cụ Thịnh được chia dài 13,01m
- Phía Nam giáp đất bà Ngân được chia dài 14,87m
- Phía Tây có các đoạn gấp khúc dài 3,54m; 1,74m
- Phía Đông giáp ngõ đi chung dài 4,32m

9. Chia ông Chu Kế Truyền quản lý, sở hữu, sử dụng tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m, dài 10,64m; công sức san lấp 124m² trên diện tích 124m² đất (trong đó có 20m² đất tại vị trí 3 và 104m² đất giá trị đất ao) thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới cụ thể như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 4)

- Phía Bắc giáp đất bà Ngân được chia dài 13,57m

- Phía Nam giáp đất bà Cầm được chia dài 13,56m
- Phía Tây có các đoạn dài 4,17m; 5,04m
- Phía Đông giáp ngõ đi chung dài 9,13m

10. Chia bà Chu Thị Ngân quản lý, sở hữu, sử dụng 01 khóm tre 60 cây; tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m, dài 4,19m, công san nền 10,5m² trên diện tích 105m² đất (trong đó có 13m² đất tại vị trí 3 và 92m² đất có giá trị đất ao) thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới cụ thể như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 3)

- Phía Bắc giáp đất ông Thông được chia dài 14,87m
- Phía Nam giáp đất ông Truyền được chia dài 13,57m
- Phía Tây có các đoạn gấp khúc dài 6m; 1,55m
- Phía Đông giáp ngõ đi chung dài 7,48m

11. Chia bà Chu Thị Nguyệt quản lý, sở hữu, sử dụng tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m dài 14,62m; công sức san nền 13,79m² trên diện tích 105m² đất (trong đó có 13m² đất tại vị trí 3 và 92m² đất có giá trị đất ao) thuộc một phần thửa đất 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới cụ thể như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 6)

- Phía Bắc giáp đất bà Cầm được chia dài 13,79m
- Phía Nam giáp đất ông Nghiệp được chia có các đoạn dài 16,47m; 5,59m.
- Phía Tây có các đoạn gấp khúc dài 0,77m; 6,54m; 5,67m; 0,18m
- Phía Đông giáp ngõ đi chung dài 6,82m

12. Chia bà Chu Thị Ngọc Cầm quản lý, sở hữu, sử dụng công san nền 114,86m² trên diện tích 114,86m² đất (trong đó có 5m² đất ở vị trí 3; 109,86m² đất giá trị đất ao) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới cụ thể như sau: (sơ đồ phân chia là ô số 5)

- Phía Bắc giáp đất ông Truyền được chia dài 13,56m
- Phía Nam giáp đất bà Nguyệt được chia dài 13,79m
- Phía Tây có các đoạn dài 3,21m; 4,77m
- Phía Đông giáp ngõ đi chung dài 8,85m.

Phần đất ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Văn Bảo, bà Chu Thị Hòa, các con cháu cụ Chu Thị Thịnh, ông Chu Kế Nghiệp, ông Chu Kế Truyền, bà Chu Thị Ngân, bà Chu Thị Nguyệt, bà Chu Thị Ngọc Cầm, bà Chu Thị Hương có ngõ đi chung diện

tích 100,1m² (đất ao), thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có ranh giới như sau:

- Phía Bắc (đầu ngõ) giáp đường đi rộng 2,09m
- Phía Nam (cuối ngõ) giáp đất bà Chu Thị Hòa dài 2,01m
- Phía Đông giáp đất ông Bảo, ông Hữu, bà Hương được chia dài 49,15m
- Phía Tây giáp đất bà Cầm, bà Nguyệt, bà Ngân, ông Truyền, ông Thông, ông Nghiệp và các con cháu cụ Thịnh được chia dài 49,89m.

Buộc gia đình ông Bảo dỡ bỏ tường xây cao khoảng 0,8m, dài 19,52m trên ngõ đi chung trên này

Phần đất bà Hòa, ông Cường, bà Hương được chia có ngõ đi chung diện tích 19,4m² (đất ao) thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02(bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội có ranh giới như sau:

- Phía Bắc giáp đất bà Hương, ông Cường được chia dài 9,38m
- Phía Nam có các đoạn gấp khúc 5,02m; 3,78m; 0,36m
- Phía Tây giáp đất bà Hòa được chia dài 2,26
- Phía Đông giáp đường xóm dài 2,18m.

Buộc gia đình ông Bảo phải dỡ bỏ hai trụ cổng, hai cánh cổng sắt, 3 cây cau và 01 cây chuối trên ngõ đi chung này

Ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 2.243.000đ.

Ông Chu Văn Bảo có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Ngọc Châu 2.080.526.476đ

Ông Nguyễn Trọng Cường có trách nhiệm thanh toán cho gia đình ông Chu Văn Bảo 857.048đ.

Bà Chu Thị Hương có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 3.478.061đ; thanh toán cho bà Chu Thị Hòa 7.264.000đ

Anh Nguyễn Mạnh Đức, Nguyễn Thị Hồng Thắng và Nguyễn Thị Thanh Thủy, ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận có trách nhiệm thanh toán cho bà Chu Thị Ngọc Cầm 2.000.000đ

Ông Chu Văn Thông có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 3.324.000đ.

Ông Chu Kế Truyền có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 15.932.000đ

Bà Chu Thị Ngân có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 3.269.319đ.

Bà Chu Thị Nguyệt có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 11.303.000đ.

Bà Chu Thị Ngọc Cẩm có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 12.644.000đ.

Bà Chu Thị Hòa có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 932.048đ.

Ông Chu Kế Nghiệp có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 1.158.000đ.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần án phí, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các bên đương sự.

Không đồng ý với bản án sơ thẩm, tại Đơn kháng cáo đề ngày 15/1/2020, ông Chu Văn Bảo kháng cáo đề nghị xét xử lại đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho ông và gia đình ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, nhất trí với bản án sơ thẩm, đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn vì không có căn cứ.

Bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xác định nhà, đất tranh chấp không phải di sản thừa kế của cố Lượng, cố Mùi để lại vì từ khi bị đơn sinh ra và lớn lên đã có nhà, đất này và thực tế trong Sổ mục kê chỉ ghi tên chủ sử dụng đất là cụ Nghĩ, mẹ của bị đơn chứ không có tên của cố Lượng, cố Mùi. Quá trình sử dụng đất chỉ có vợ chồng bị đơn thực hiện nghĩa vụ nộp thuế sử dụng đất đầy đủ cho Nhà nước.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Vinh (vợ ông Bảo) xác nhận, quá trình giải quyết vụ án tại Toà án cấp sơ thẩm có nhận được Giấy triệu tập ra Toà án làm việc nhưng do bà bận công việc và nghĩ không liên quan nên không đến Toà án theo Giấy triệu tập. Tại phiên tòa phúc thẩm bà Vinh nhất trí với trình bày của ông Bảo - chồng bà và đề nghị Toà án xem xét công sức của vợ chồng bà trong việc bảo quản, duy trì và nộp thuế sử dụng đối với thửa đất tranh chấp.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án đều không có đơn kháng cáo, nhất trí giữ nguyên trình bày như ở giai đoạn sơ thẩm, không bổ sung gì thêm.

Các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn phát biểu và đề nghị:

- Toà án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào lời khai của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để xác định diện tích thửa đất tranh chấp là di sản của cố Chu Văn Lượng và cố Chủ Thị Mùi để lại là thiếu căn cứ;

- Hồ sơ địa chính thể hiện chủ sử dụng đất là cụ Nguyễn Thị Nghi, không phải của cố Lượng, cố Mùi. Phía nguyên đơn chỉ căn cứ vào Tờ Chứng Thực Đăng Bộ để xác định quyền sử dụng đất của cố Lượng, cố Mùi là không có cơ sở. Căn cứ Điều 50 Luật Đất đai năm 2003 và Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thì Tờ Chứng Thực Đăng Bộ không được xác định là một trong những giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất hợp pháp;

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như việc thu thập chứng cứ ở Toà án cấp sơ thẩm, trong hồ sơ thể hiện tài liệu, chứng cứ có nhiều mâu thuẫn, nhưng Toà án cấp sơ thẩm không tiến hành xác minh làm rõ một số nội dung, cụ thể: diện tích thửa đất tranh chấp theo bản đồ năm 1986, 1993 và thực tế hiện nay không phù hợp; không yêu cầu phía nguyên đơn cung cấp Tờ Chứng Thực Đăng Bộ bản gốc; giải quyết vượt quá yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập; xác định thời điểm chết và thời điểm mở thừa kế của cố Lượng, cố Mùi không chính xác; diện tích thửa đất tranh chấp đo thực tế nhiều hơn so với bản đồ năm 1993 nhưng không được xác minh làm rõ lý do nhiều hơn...

- Không hướng dẫn cho ông Bảo thực hiện đầy đủ đối với quyền được yêu cầu phản tố về việc chia thừa kế nhà đất tại 52 Đinh Tiên Hoàng để xem xét giải quyết trong cùng một vụ án.

Với những vi phạm tố tụng của Toà án cấp sơ thẩm cũng như việc thu thập chứng cứ không đầy đủ dẫn đến giải quyết vụ án thiếu khách quan, ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn - ông Chu Văn Bảo. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm căn cứ Khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, huỷ toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại từ giai đoạn sơ thẩm.

Luật sư bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn - bà Chu Thị Ngọc Cẩm, ông Chu Kế Truyền, bà Chu Thị Ngân, anh Chu Ngọc Khánh và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập là ông Chu Chiến Hữu, phát biểu và đề nghị:

- Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp, lời khai của các đương sự trong đó có cả lời khai của bị đơn - ông Chu Văn Bảo đều xác nhận về nguồn gốc đất nên Toà án cấp sơ thẩm xác định thửa đất tranh chấp

là di sản của hai cố Chu Văn Lượng và cố Chử Thị Mùi để lại và giải quyết chia thừa kế theo pháp luật là hoàn toàn có căn cứ.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, các đương sự đều xác định, cố Chu Văn Lượng và cố Chử Thị Mùi, cụ Chu Văn Vượng, cụ Nguyễn Thị Nghi, cụ Chu Thị Nhận...đều đã chết; thời gian chết khai thống nhất như đã trình bày ở giai đoạn sơ thẩm và bản án sơ thẩm đã tuyên. Do vậy việc xác định về thời điểm mở thừa kế của Toà án cấp sơ thẩm là đúng và chính xác.

- Đối với diện tích đất đo thực tế so với diện tích đất thể hiện tại Bản đồ năm 1986, 1993 và Tờ chứng thực đăng bộ không phù hợp về diện tích sử dụng là do quá trình sử dụng đất có nhiều biến động, việc đo đạc các năm trước đây chỉ đo bằng tay, bằng dây, sau này mới thực hiện đo bằng máy. Do vậy căn cứ Nghị định 84/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ, xác định diện tích đất đo thực tế đã được sử dụng ổn định và không có tranh chấp để giải quyết là đúng.

Tuy nhiên phần quyết định của bản án sơ thẩm tuyên chia tài sản trên đất là khó cho việc thi hành án.

Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên việc giải quyết của Toà án cấp sơ thẩm và sửa cách tuyên trong phần chia thừa kế bằng hiện vật để đảm bảo thi hành án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: sau khi phân tích, đánh giá quá trình giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu:

- *Về việc đưa thiếu người tham gia tố tụng:* Cụ Chu Thị Thịnh (chết 2017) có con là Nguyễn Mạnh Doanh (chết 2019). Ông Doanh có vợ là Nguyễn Thị Thơm, nhưng Tòa án sơ thẩm chưa làm rõ bà Thơm còn sống hay đã chết để đưa bà Thơm vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, Tòa án Hà Nội đã lấy lời khai của bà Thơm, bà Thơm đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm, không có khiếu nại gì, bà Thơm đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật và xin được xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án đưa bà Thơm vào tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm là đảm bảo được quyền, lợi ích hợp pháp của bà Thơm.

- Về diện tích đất tranh chấp: Theo bản đồ đo đạc năm 1986, thửa đất có diện tích 1.880m². Theo bản đồ năm 1994, thửa đất có diện tích 1.770m². Thông báo nộp thuế năm 2019 thể hiện diện tích chịu thuế là 1.770m². Đo đạc thực tế, thửa đất tranh chấp có diện tích 1.855,6m² (nhiều hơn so với bản đồ năm 1994 và diện tích đất phải chịu thuế là 85,6m²). Qua xác minh thể hiện, thửa đất tranh chấp có sự tăng, giảm về diện tích là do bản đồ năm 1986 đo đạc bằng tay còn bản đồ 1994 được đo bằng máy, việc đo vẽ đều trên cơ sở người sử dụng đất chỉ diện tích sử dụng đất đến đâu thì cơ quan đo đạc thực hiện đo đến đó. Thửa đất tranh chấp chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng đã được sử dụng ổn định, không có tranh chấp, không có quyết định thu hồi hoặc bị xử lý do lấn chiếm. Tòa án cấp sơ thẩm xác định diện tích đất tranh chấp như sơ đồ hiện trạng là có căn cứ.

Về việc xác định định mức đất ở, đất ao liền kề, vị trí và giá đất tại từng vị trí, Hội đồng định giá đất tại cấp sơ thẩm cho biết: *Những vị trí giáp đường Cổ Diển được xác định là vị trí 1 có giá là 35.000.000đ/m², vị trí 3 là vị trí tiếp giáp với ngõ có giá 27.000.000đ/m², còn đất ao có giá trị 20.000.000đ/m² (đất ao ở vị trí nào cũng có giá trị 20.000.000đ/m²). Hội đồng định giá chỉ xác định giá của từng vị trí đất, còn việc xác định giá trị của từng vị trí đất khi chia là do Tòa án xác định.* Vì vậy, căn cứ vào vị trí thực tế của thửa đất, Tòa án sơ thẩm áp dụng QĐ 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 để tính hạn mức đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất là có căn cứ.

- Về việc giải quyết vụ án: Có căn cứ xác định toàn bộ diện tích đất 1.855,6m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) tại thôn Cổ Diển A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội là của cố Chu Văn Lượng và cố Chử Thị Mùi để lại, trước khi chết hai cố đều không để lại di chúc phân chia tài sản.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của hai cố Lượng, Mùi để lại là có căn cứ. Tuy nhiên khi giải quyết còn có 1 số thiếu sót cụ thể:

- Cụ Vượng (con của hai cố Lượng và cố Mùi) kết hôn với cụ Nghĩ và cụ Nhận từ trước khi có luật hôn nhân gia đình (HNGĐ) năm 1959. Theo điều 15 luật HNGĐ 1959, phần di sản của cụ Vượng được hưởng của 2 cố Lượng, cố Mùi là tài sản chung của cụ Vượng, cụ Nghĩ, cụ Nhận. Bản án sơ thẩm không xác định phần di sản của cụ Vượng được hưởng của 2 cố là tài sản chung của cụ Vượng, cụ Nghĩ, cụ Nhận mà chia đều cho 11 người con là không phù hợp qui định của pháp luật.

- Bà Chu Thị Vân (con cụ Vượng, chết 29/10/1990), bà Vân có chồng là ông Nguyễn Trọng Cường. Bà Vân và ông Cường kết hôn theo luật hôn nhân gia đình năm 1959. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa ông Cường là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không xác định tài sản của bà Vân được hưởng thừa kế của cụ Vượng là tài sản chung của bà Vân và ông Cường theo luật hôn nhân gia đình năm 1959 và không xác định ông Cường được hưởng thừa kế của bà Vân đối với di sản thừa kế bà Vân được hưởng của cụ Vượng là thiếu sót.

- Cụ Trần Thị Lan (vợ cụ Chu Ngọc Minh, con của cô Lượng, cô Mùi và là mẹ của ông Hữu, ông Long). Cụ Lan và cụ Minh kết hôn theo luật hôn nhân gia đình năm 1959. Tòa án cấp sơ thẩm đã đưa cụ Lan vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng không xác định tài sản cụ Minh được hưởng thừa kế của 2 cô là tài sản chung của vợ chồng cụ Minh, cụ Lan theo luật hôn nhân gia đình năm 1959 và không xác định cụ Lan được hưởng thừa kế của cụ Minh là thiếu sót.

Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, ông Cường và bà Lan không kháng cáo nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét chia tài sản cho ông Cường, bà Lan như đã phân tích ở nội dung nêu trên.

- Quá trình giải quyết vụ án, ngày 23/4/2018, ông Bảo có lời khai: Do nguyên đơn khởi kiện chia thừa kế ở Cổ Điền A, Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội nên bị đơn đề nghị Tòa án chia thừa kế đối với nhà, đất tại 59 Đình Tiên Hoàng vì đó là tài sản chung của bố mẹ ông (cụ Vượng, cụ Nghi, cụ Nhận). Tuy nhiên, ông Bảo không có đơn yêu cầu độc lập, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhiều lần triệu tập ông Bảo đến làm việc nhưng ông Bảo không đến, ông Bảo cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ liên quan đến yêu cầu phản tố của ông, nên Tòa án cấp sơ thẩm đã không giải quyết yêu cầu phản tố của ông Bảo là có căn cứ.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Nghị quyết 58/1998 thì thời gian từ 1/7/1996 đến 1/1/1999 (30 tháng) không tính vào thời hiệu. Do vậy, thời hiệu yêu cầu chia thừa kế của ông Bảo đối với di sản thừa kế của cụ Vượng tại nhà đất 59 Đình Tiên Hoàng được tính từ 10/9/1990 đến 10/3/2023. Do vậy, Việc Tòa án không thụ lý giải quyết yêu cầu chia thừa kế của ông Bảo trong vụ kiện này cũng không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Bảo. Dành quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế của ông Bảo đối với nhà đất tại 59 Đình Tiên Hoàng bằng vụ kiện dân sự khác.

Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm căn cứ khoản 2 điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 15 luật Hôn nhân gia đình năm 1959, sửa bản án số 48/2020/DS-ST ngày 30/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì như phân tích ở nội dung nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận công khai tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng: Bị đơn có đơn kháng cáo trong thời hạn luật định đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên xác định kháng cáo là hợp lệ.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chu Ngọc Châu, Tòa án đã ủy thác tổng đạt và thông báo về thời gian xét xử, đồng thời tiến hành niêm yết các Thông báo theo đúng quy định của pháp luật. Quá trình giải quyết vụ án, ông Châu có quan điểm “...do ở xa nên xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án” (BL 110, 111, 150). Sau khi xét xử sơ thẩm đã được tổng đạt bản án nhưng không có đơn kháng cáo.

Đối với một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khác trong vụ án cũng không có đơn kháng cáo, tại phiên toà phúc thẩm có văn bản ủy quyền, Đơn xin xét xử vắng mặt hoặc vắng mặt không có lý do;

Xét thấy sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên không làm ảnh hưởng đến việc xét xử, căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

2. Về Nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào trình bày của các đương sự cùng các tài liệu, chứng cứ do các đương sự giao nộp và Tòa án thu thập được thể hiện:

2.1. Về quan hệ huyết thống

Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà, các đương sự đều xác nhận cố Chu Văn Lượng (chết năm 1950) và cố Chủ Thị Mùi (chết năm 1945). Khi còn sống hai cố sinh được 03 người con là cụ Chu Văn Vượng (chết ngày 6/7/1990), cụ Chu Thị Thịnh (chết ngày 30/12/2017) và cụ Chu Ngọc Minh (chết ngày 3/4/2014). Ngoài ra hai cố không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

2.2 Xác định thời điểm mở thừa kế và thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia thừa kế:

Xác định thời điểm mở thừa kế của cố Chu Văn Lượng là năm 1950, cố Chủ Thị Mùi là năm 1945. Cụ Chu Văn Vượng là ngày 6/7/1990, cụ Chu Thị Thịnh là ngày 30/12/2017 và cụ Chu Ngọc Minh là ngày 3/4/2014.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 688, Khoản 1 Điều 623 BLDS năm 2015; khoản 4 Điều 4 Nghị Quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016; Pháp lệnh thừa kế năm

1990; Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Công văn giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018, xác định yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của các đồng nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Chu Chiến Hữu và ông Chu Long là trong thời hiệu khởi kiện.

2.3 Về xác định hàng thừa kế và người thừa kế

Căn cứ các Điều 650, 651, 652 BLDS năm 2015, xác định hàng thừa kế thứ nhất của hai cô Chu Văn Lượng và cô Chử Thị Mùi là cụ Chu Văn Vượng, cụ Chu Thị Thịnh và cụ Chu Ngọc Minh.

2.3.1 Đối với cụ Chu Văn Vượng (chết ngày 6/7/1990): khi còn sống cụ Vượng có hai người vợ là cụ Nguyễn Thị Nghĩ (chết năm 2011) và cụ Chu Thị Nhạn (chết ngày 19/5/2017), các cụ sinh được 11 người con, cụ thể:

- Cụ Vượng và cụ Nghĩ sinh được 4 người con chung là: bà Chu Thị Hòa, ông Chu Ngọc Châu, ông Chu Văn Bảo và bà Chu Thị Hương.

- Cụ Vượng và cụ Nhạn sinh được 07 người con là: bà Chu Thị Ngọc Cầm, bà Chu Thị Vân (bà Vân chết ngày 28/10/1990. Bà Vân có chồng là ông Nguyễn Trọng Cường và hai người con đẻ là anh Nguyễn Trọng Hùng, sinh năm 1984 và chị Nguyễn Thị Thu Huyền, sinh năm 1982), bà Chu Thị Nguyệt, bà Chu Thị Ngân, ông Chu Kế Nghiệp, ông Chu Kế Truyền và ông Chu Văn Thông (ông Thông chết ngày 21/3/2020. Ông Thông có vợ là bà Dương Thị Bích Hiền và 3 người con đẻ là anh Chu Ngọc Khánh, sinh năm 1990, anh Chu Tuấn Hải, sinh năm 1997, anh Chu Tuấn Anh, sinh năm 1999).

Ngoài ra cụ Vượng, cụ Nghĩ, cụ Nhạn không còn người con nuôi, con riêng nào khác.

* Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cụ Vượng, cụ Nghĩ và cụ Nhạn là 11 người con đẻ và những người thừa kế chuyển tiếp của bà Vân, ông Thông có tên nêu trên.

2.3.2 Đối với cụ Chu Thị Thịnh (chết năm 2017): Cụ Thịnh có chồng là cụ Nguyễn Mạnh Hiện (chết năm 1986). Hai cụ có 04 người con đẻ là ông Nguyễn Mạnh Doanh (chết 14/2/2019, ông Doanh có vợ là bà Nguyễn Thị Thơm và 3 người con đẻ là anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thị Thanh Thủy), ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu và bà Nguyễn Thị Mận.

2.3.3 Đối với cụ Chu Ngọc Minh (tên gọi khác là Chu Văn Hiểu, cụ Minh chết ngày 03/4/2014) Cụ Minh có vợ là cụ Trần Thị Lan. Hai cụ có hai người con đẻ là ông Chu Chiến Hữu và ông Chu Long.

2.4 Căn cứ xác định di sản thừa kế

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều xác nhận, thửa đất có diện tích đo thực tế là 1.855,6m² thuộc thửa số 02, tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1986) và các thửa số 01, 18, 19 tờ bản đồ số 5 (bản đồ năm 1994), tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. Trên đất có ngôi nhà 5 gian, sân gạch, tường hoa và một số cây trồng là di sản của cố Lượng, cố Mùi để lại.

Toàn bộ di sản nêu trên hiện đang do ông Chu Văn Bảo và vợ là bà Nguyễn Thị Vinh (con cụ Vượng, cụ Nghĩ) quản lý từ khi cụ Vượng không ở và cụ Nghĩ chết.

Căn cứ vào việc xác định quan hệ về huyết thống, nguồn gốc di sản, tài liệu chứng cứ do các đương sự giao nộp và Toà án thu thập được, có căn cứ xác định nguồn gốc thửa đất tranh chấp nêu trên là di sản của hai cố Lượng, cố Mùi để lại. Việc cụ Nghĩ được ghi tên người sử dụng đất trong sổ lập theo bản đồ năm 1994 là sau khi cố Lượng, cố Mùi chết, cụ Vượng cùng vợ hai là cụ Nhận đi nơi khác sinh sống. Do vậy Nguyên đơn có yêu cầu khởi kiện chia thừa kế di sản của cố Lượng, cố Mùi để lại là có căn cứ.

Lời khai của ông Bảo trong quá trình giải quyết vụ án cũng xác nhận nguồn gốc thửa đất tranh chấp là của hai cố Lượng, cố Mùi để lại, tuy nhiên tại phiên toà phúc thẩm ông Bảo lại trình bày không biết nguồn gốc đất như thế nào chỉ biết trong Sổ địa chính ghi tên chủ sử dụng đất là cụ Nghĩ - mẹ ông, quá trình sử dụng vợ chồng ông cùng cụ Nghĩ quản lý và nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước nên thửa đất nêu trên là tài sản của cụ Nghĩ không phải di sản của cố Lượng, cố Mùi nên ông không đồng ý chia thừa kế. Lời khai này của ông Bảo là không có cơ sở chấp nhận bởi các đồng thừa kế cũng như chính lời khai của ông Bảo trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm đều xác nhận nhà, đất tại địa chỉ nêu trên là di sản của cố Lượng, cố Mùi.

Như đã phân tích ở nội dung nêu trên thì kháng cáo của ông Bảo về nội dung này là không có cơ sở chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chia thừa kế theo pháp luật đối với di sản của cố Lượng cố Mùi để lại là có căn cứ.

2.5 Căn cứ phân chia di sản thừa kế:

2.5.1 Về tài sản trên đất:

Căn cứ vào Biên bản định giá tài sản ngày 20/9/2019 và Biên bản làm việc ngày 13/11/2019, xác định giá trị di sản thừa kế gồm:

Tài sản trên đất được xác định là di sản của cô Lượng, cô Mùi để lại có giá trị là **24.194.271 đồng**

2.5.2 Về quyền sử dụng đất

Cũng theo Biên bản định giá ngày 20/9/2019, Hội đồng định giá xác định, theo Bản đồ năm 1986, thửa đất tranh chấp là thửa số 02 tờ bản đồ số 2. Theo bản đồ 1994 thửa đất tranh chấp là thửa số 01, 18, 19, tờ bản đồ số 5. Hội đồng định giá xác định thửa số 01 tờ bản đồ số 5 thuộc vị trí 1 có giá 35.000.000đ/m²; thửa số 18, 19 tờ bản đồ số 5 thuộc vị trí 3 có giá 27.000.000đ/m². Loại đất ao có giá trị 20.000.000đồng/m².

Tại Biên bản làm việc ngày 13/11/2019, Ủy ban nhân dân xã Tứ Hiệp, Thanh Trì cho biết, căn cứ vào sơ đồ hiện trạng, thửa đất tranh chấp có một cạnh tiếp giáp với đường Cổ Diển (tên đường có tên trong bảng giá đất), một cạnh tiếp giáp với ngõ đi công. Các thành viên trong Hội đồng định giá cũng giải thích, những vị trí tiếp giáp với đường Cổ Diển được xác định là vị trí 1, có giá 35.000.000đ/m²; vị trí tiếp giáp với ngõ được xác định là vị trí 3, có giá 27.000.000đ/m². Đất ao và đất ở khác nhau về mục đích sử dụng, do vậy dù ở vị trí nào thì đất ao vẫn có giá trị 20.000.000đ/m².

UBND xã Tứ Hiệp cho biết, trường hợp cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hạn mức công nhận đất ở được thực hiện theo Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND thành phố Hà Nội ban hành quy định về hạn mức giao đất, hạn mức công nhận quyền sử dụng đất, kích thước, diện tích đất ở tối thiểu được phép tách thửa cho hộ gia đình cá nhân trên địa bàn thành phố Hà Nội (BL 249). *Hội đồng định giá chỉ xác định giá của từng vị trí đất, còn việc xác định giá trị của từng vị trí đất khi chia là do Tòa án xác định.*

Căn cứ vào Bản đồ đo vẽ thực tế thửa đất; vị trí thực tế thửa đất, đối chiếu với Bản đồ năm 1986, Bản đồ năm 1994; căn cứ Quyết định số 20/2017/QĐ-UBND ngày 01/6/2017 của UBND thành phố Hà Nội, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, khoản 3 Điều 24 quy định: “3. Trường hợp thửa đất có vườn, ao gắn liền với nhà ở được hình thành trước ngày 18 tháng 12 năm 1980, người đang sử dụng có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất quy định tại các Khoản 1, 2 và 3 Điều 100 của Luật Đất đai và Điều 18 của Nghị định này mà trong giấy tờ đó chưa xác định rõ diện tích đất ở thì diện tích đất ở được công nhận không phải nộp tiền sử dụng đất bằng diện tích thực tế của thửa đất đối với trường

hợp diện tích thửa đất nhỏ hơn 05 lần hạn mức giao đất ở, bằng 05 lần hạn mức giao đất ở đối với trường hợp diện tích thửa đất lớn hơn 05 lần hạn mức giao đất ở theo quy định của Luật Đất đai.”

Căn cứ vào kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và quy định nêu trên, Tòa án cấp sơ thẩm tính hạn mức đất, hạn mức công nhận đất ở trong tổng số diện tích 1.855,6m² đất đo thực tế có 400m² đất ở vị trí 1 có giá trị 35.000.000đ/m², tổng cộng là 14.000.000.000đồng; có 655,6m² đất ở vị trí 3 có giá trị là 27.000.000đ/m², tổng cộng là 17.701.200.000đồng; có 800m² là đất ao có giá trị 20.000.000đ/m², tổng cộng là 16.000.000.000đồng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Tổng cộng di sản của hai cố Lượng, cố Mùi để lại (giá trị đất và tài sản trên đất là **47.725.394.271đồng**.

2.5.1 Xác định công sức cho người bảo quản, trông giữ...di sản:

Quá trình giải quyết vụ án các đương sự đều xác nhận, các con của hai cố Lượng, cố Mùi không có công sức gì đối với di sản của hai cố để lại. Cụ Vượng lấy hai vợ là cụ Nghĩ, cụ Nhận, các cụ ở trên nhà, đất của hai cố nhưng không xây dựng, tôn tạo gì. Di sản của hai cố để lại đều do vợ chồng ông Chu Văn Bảo quản lý từ khi cụ Vượng không ở và cụ Nghĩ chết. Quá trình vợ chồng ông Bảo sinh sống tại đây có xây dựng một số công trình trên đất, lấp một phần ao, san nền và trồng một số cây trồng....Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định ông Bảo là người có công duy trì, bảo quản làm tăng giá trị di sản thừa kế và trích công sức cho vợ chồng ông Bảo bằng ½ của một kỷ phần thừa kế là đảm bảo quyền lợi cho vợ chồng ông Bảo và phù hợp với quy định của pháp luật.

2.5.2 Phân chia di sản bằng giá trị

2.5.2.1. Giá trị di sản chia cho hàng thừa kế thứ nhất của cố Lượng, cố Mùi:

Toàn bộ giá trị di sản của cố Lượng, cố Mùi chia cho hàng thừa kế thứ nhất của hai cố là cụ Vượng, cụ Thịnh và cụ Minh là **47.725.394.271đồng**

- Trích ½ kỷ phần để tính công sức cho vợ chồng ông Bảo bằng:

47.725.394.271đồng : 7 = 6.817.913.467đồng (1/7)

- Giá trị di sản còn lại chia cho cụ Vượng, cụ Thịnh, cụ Minh, mỗi cụ được hưởng kỷ phần thừa kế của hai cố Lượng, cố Mùi để lại là :

6.817.913.467đồng x 6 : 3 = **13.635.826.934đồng**

2.5.2.2. Giá trị di sản cụ Thịnh được hưởng là

Cụ Chu Thị Thịnh (chết năm 2017) có chồng là cụ Nguyễn Mạnh Hiện (đã chết năm 1986) và có 04 người con là ông Nguyễn Mạnh Doanh (chết năm 2019, có vợ là

bà Nguyễn Thị Thơm và 3 người con là anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thị Thanh Thủy), ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu và bà Nguyễn Thị Mận.

Di sản của cụ Thịnh được hưởng từ hai cổ Lượm, cổ Mùi là **13.635.826.934đồng**. Sau khi cụ Thịnh chết (cụ Hiện chết trước cụ Thịnh), kỷ phần thừa kế này là di sản của cụ Thịnh để lại do hàng thừa kế thứ nhất là các con đẻ của cụ Thịnh, cụ Hiện là ông Doanh (ông Doanh đã chết nên bà Thơm, anh Đức, chị Thắng và chị Thủy là người thừa kế chuyển tiếp của ông Doanh được hưởng) và ông Nhân, bà Liễu, bà Mận được hưởng.

Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án các đương sự xuất trình tài liệu, chứng cứ là “*Giấy cam kết về việc nhận tài sản thừa kế*” lập năm 2017 của cụ Thịnh (có chữ ký của ông Doanh, ông Nhân, bà Liễu, bà Mận là con đẻ của cụ Thịnh) và có chứng thực của UBND xã Tứ Hiệp ngày 17/5/2017. Nội dung văn bản thể hiện, cụ Thịnh xin được hưởng 100m² đất trong khối di sản là nhà, đất của cổ Lượm, cổ Mùi để lại; phần còn lại chia đều cho 11 người con của cụ Vượng và 02 người con của cụ Minh.

Sau khi cụ Thịnh chết, các con đẻ và những người thừa kế của ông Doanh vẫn giữ nguyên ý chí của cụ Thịnh nên Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận và giải quyết đúng theo nguyện vọng và ý chí của cụ Thịnh là có căn cứ.

Trên cơ sở đó, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia cho cụ Thịnh 100m² đất ở vị trí số 3 có giá trị 2.700.000.000đồng và giao cho các hàng thừa kế như đã nêu trên được hưởng và quản lý, sử dụng.

Kỷ phần thừa kế của cụ Thịnh còn lại được chia cho 13 người là con của cụ Minh, cụ Vượng, mỗi người được hưởng là:

$13.635.826.934\text{đồng} - 2.700.000.000\text{đồng} : 13 = \mathbf{841.217.456\text{đồng}}$ /kỷ phần.

2.5.2.3. Giá trị di sản của cụ Minh được hưởng là:

Cụ Minh có vợ là cụ Trần Thị Lan, có hai con đẻ là ông Chu Chiến Hữu và ông Chu Long.

Cụ Minh chết năm 2014 nên kỷ phần thừa kế của cụ Minh do cụ Lan và các con là ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long được hưởng là 13.635.826.934đồng.

Căn cứ vào yêu cầu độc lập của ông Hữu, ông Long yêu cầu được chia và hưởng quyền thừa kế của cụ Minh từ di sản của cổ Lượm, cổ Mùi để lại. Do cụ Minh đã chết nên kỷ phần thừa kế của cụ Minh do cụ Lan và ông Hữu, ông Long được hưởng thừa kế chuyển tiếp. Tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm xác định và chia phần thừa kế nêu trên cho ông Hữu, ông Long mà không xác định trong đó có cả cụ Lan được

hưởng là thiếu sót, tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, cụ Lan, ông Hữu, ông Long đều không có kháng cáo nên Toà án cấp phúc thẩm không có căn cứ để sửa bản án sơ thẩm về phần này. Sau này nếu có tranh chấp sẽ giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tổng giá trị di sản của cụ Minh do ông Hữu, ông Long được nhận là:

$13.635.826.934\text{đồng} + (841.217.456\text{đồng} \times 2 \text{ cụ Thịnh tặng cho}) =$
15.318.261.846đồng.

2.5.2.4. Phân chia di sản phần của cụ Vượng, cụ Nghĩ và cụ Nhận:

Giá trị di sản cụ Cụ Vượng, cụ Nghĩ và cụ Nhận (được hưởng từ hai cổ Lược và cổ Mùi để lại) là 13.635.826.934đồng.

Ba cụ có 11 người con là: Bà Chu Thị Hòa, ông Chu Ngọc Châu, ông Chu Văn Bảo, bà Chu Thị Hương, bà Chu Thị Ngọc Cầm (tức Chu Ngọc Cầm), bà Chu Thị Vân (chết 1990, nên chồng, con bà Vân là ông Nguyễn Trọng Cường và 2 con đẻ là chị Huyền và anh Hùng được hưởng), bà Chu Thị Nguyệt, bà Chu Thị Ngân, ông Chu Kế Nghiệp, ông Chu Kế Truyền và ông Chu Văn Thông (ông Thông đã chết nên vợ, con ông Thông là bà Hiền, anh Khánh, anh Tuấn Anh được hưởng), cụ thể là:

$13.635.826.934\text{đồng} : 11 = 1.239.620.630\text{đồng}.$

Mỗi người con của cụ Vượng, cụ Nghĩ và cụ Nhận được hưởng giá trị di sản thừa kế là **1.239.620.630đồng.**

- Đối với bà Chu Thị Vân (chết năm 1990):

Bà Vân có chồng là ông Nguyễn Trọng Cường và 2 con đẻ là chị Nguyễn Thị Thu Huyền và anh Nguyễn Trọng Hùng. Kỷ phần thừa kế của bà Vân được hưởng từ cụ Vượng, cụ Nghĩ, cụ Nhận và của cụ Thịnh tặng cho là :

$1.239.620.630\text{đồng} + 841.217.456\text{đồng} = \mathbf{2.080.838.086\text{đồng}.$

Bà Vân chết năm 1990 nên kỷ phần thừa kế của bà Vân do ông Cường, chị Huyền và anh Hùng được hưởng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Huyền, anh Hùng thống nhất nhường $\frac{1}{2}$ phần di sản được nhận từ bà Vân cho ông Cường; còn lại $\frac{1}{2}$ phần di sản nhường cho bà Cầm, bà Ngân, bà Nguyệt và ông Truyền.

Lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm cần chia kỷ phần thừa kế của bà Vân cho 3 người là ông Cường, chị Huyền, anh Hùng rồi mới tính $\frac{1}{2}$ kỷ phần của chị Huyền, anh Hùng tặng cho ông Cường, còn lại tặng cho bà Cầm, bà Ngân, bà Nguyệt và ông Truyền.

Tuy nhiên sau khi xét xử sơ thẩm, ông Cường, chị Huyền và anh Hùng không kháng cáo nên Tòa án cấp phúc thẩm không có căn cứ xem xét để sửa về phần này.

Do vậy giữ nguyên cách tính của Tòa án cấp sơ thẩm, chỉ sửa về số liệu cho chính xác, cụ thể:

+ Tổng cộng bà **Cầm, bà Ngân, bà Nguyệt**, ông Truyền được hưởng giá trị di sản thừa kế và phần được tặng cho là:

$$2.080.838.086\text{đồng} : 2 = 1.040.419.043\text{đồng} : 4 = 260.104.760\text{đồng}$$

$$1.239.620.630\text{đồng} + 841.217.456\text{đồng} \text{ (cụ Thịnh tặng cho)} + 260.104.760\text{đồng} \text{ (chị Hiền, anh Hùng tặng cho)} = \mathbf{2.340.942.847\text{đồng}}.$$

+ Ông Nguyễn Trọng Cường còn lại giá trị di sản thừa kế là **1.040.419.043đồng**.

- *Đối với ông **Chu Văn Thông**:*

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Thông có quan điểm nhường $\frac{1}{4}$ kỷ phần được nhận cho ông Truyền để ông Truyền xây nhà thờ cho các cụ. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Thông chết, Tòa án cấp phúc thẩm đã đưa vợ, con ông Thông là những người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Thông vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Thông. Những người trong hàng thừa kế của ông Thông giữ nguyên quan điểm và nguyện vọng của ông Thông nên ghi nhận;

Như vậy $\frac{1}{4}$ giá trị di sản ông Thông nhường cho ông Truyền là:

$$1.239.620.630\text{đồng} + 841.217.456\text{đồng} \times \frac{1}{4} = 520.209.521\text{đồng}$$

Giá trị di sản **ông Thông** còn lại là:

$$1.239.620.630\text{đồng} + 841.217.456\text{đồng} - 520.209.521\text{đồng} = \mathbf{1.560.628.565\text{đồng}}$$

- *Đối với ông **Chu Kế Truyền**:* được nhận giá trị di sản và phần được tặng cho tổng cộng là:

$$2.340.942.847\text{đồng} + 520.209.521\text{đồng} = \mathbf{2.861.152.368\text{đồng}}.$$

- *Đối với ông **Chu Văn Bảo*** được nhận giá trị di sản, công sức duy trì bảo quản di sản (tính cả phần của bà Vinh vợ ông Bảo) và phần được cụ Thịnh tặng cho là:

$$1.239.620.630\text{đồng} + 6.817.913.467\text{đồng} + 841.217.456\text{đồng} = \mathbf{8.898.751.554\text{đồng}}.$$

- *Đối với ông **Chu Kế Nghiệp, bà Chu Thị Hương, bà Chu Thị Hòa, ông Chu Ngọc Châu*** mỗi người được hưởng di sản và phần được cụ Thịnh tặng cho là:

$$1.239.620.630\text{đồng} + 841.217.456\text{đồng} = \mathbf{2.080.838.086\text{đồng}}.$$

2.5.3 Chia thừa kế bằng hiện vật

Xem xét điều kiện về chỗ ở, nhu cầu sử dụng đất của các đương sự, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế bằng hiện vật phù hợp với thực tế sử dụng đất và nhà ở. Đối với ông Chu Ngọc Châu, quá trình giải quyết vụ án, ông Châu có quan điểm không đồng ý chia di sản thừa kế là nhà của các cụ để lại vì để làm nơi thờ cúng, đồng ý chia đất và đề nghị cho ông được hưởng thừa kế theo pháp luật. Xem xét về điều kiện về chỗ ở nhận thấy, theo ông Châu trình bày ông không còn sống ở đây từ năm 1971 (BL 149), hiện nay ông Châu đang cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, theo đề nghị của ông Châu, Tòa án cấp sơ thẩm đã chia thừa kế cho ông Châu bằng giá trị di sản thừa kế. Sau khi xét xử sơ thẩm ông Châu cũng không có đơn kháng cáo về nội dung này. Do vậy Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên phần chia thừa kế cho các đương sự bằng hiện vật và bằng giá trị của Tòa án cấp sơ thẩm và sửa lại số liệu cho chính xác, cụ thể như sau:

2.5.3.1. Chia cho ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long được sử dụng 445,2m² đất (trong đó có 400m² đất ở thuộc vị trí 1 và 45,2m² đất là loại đất ao) cộng với 20,43m² đất loại đất ao dành để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích đất được chia có giá trị 15.312.600.000đồng thuộc một phần thừa số 02, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ năm 1986) và một phần thừa số 1, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Hữu, ông Long được quản lý, sở hữu, sử dụng một số cây trồng trên diện tích đất được chia nêu trên gồm: 01 cây khế có giá trị 300.000đồng, 01 cây sung có giá trị 85.000đồng, 02 cây roi có giá trị 700.000đồng (đều của ông Bảo trồng). Ông Hữu, ông Long có trách nhiệm thanh toán trả lại cho ông Bảo 1.085.000đồng tiền cây trồng trên đất. Tổng giá trị tài sản ông Hữu, ông Long được chia là 15.312.600.000đồng, so với kỷ phần được chia (15.318.261.846đồng) còn thiếu 5.661.846đồng. Ghi nhận ông Hữu, ông Long không yêu cầu ai phải thanh toán giá trị kỷ phần chênh lệch.

(Phần diện tích đất ông Hữu, ông Long được chia nằm ở ô số 11, được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 69, 4 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.2. Chia ông Chu Văn Bảo được sử dụng 388,8m² đất (trong đó có 360m² đất ở vị trí 3 và 28,8m² đất là loại đất ao) và 33,535m² đất loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích đất được chia có giá trị 10.966.700.000đồng, thuộc một phần thừa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) và một phần thừa số 18

tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Bảo được sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản trên đất gồm nhà lợp ngói Proximăng, diện tích xây dựng 42,9m² có giá trị 9.708.270đồng; bức bình phong xây tường có giá trị 710.486đồng, sân gạch cũ diện tích 41,6m² có giá trị 1.160.640đồng (của các cổ để lại) cùng các công trình do gia đình ông Bảo xây dựng là nhà 2 tầng; nhà mái bằng 1 tầng; 01 nhà tạm kết cấu khung thép, mái lợp tôn; bể nước trên mái nhà; bể nước 7,68m²; nhà tạm kết cấu khung thép và lưới B40; mái lợp tôn; nhà tạm khung thép mái Proximăng, tường xây lan can và các cây do gia đình ông Bảo trồng trên đất. Tổng giá trị di sản thừa kế được chia là 10.978.279.396đồng, so với kỷ phần được chia (8.898.751.554đồng) vượt quá 2.079.527.842đồng. Ông Bảo có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Ngọc Châu số tiền 2.079.527.842đồng.

(Phần diện tích đất ông Bảo được chia nằm ở ô số 10, được giới hạn bởi các điểm 13, 14, 15, 16, 17, 70, 68, 69, 13 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.3. Chia cho ông Nguyễn Trọng Cường được sử dụng 42m² đất (trong đó 15m² đất ở tại vị trí 3; 27m² đất là loại đất ao) và 4,475m² đất loại đất ao dành để làm ngõ đi chung. Phần diện tích đất được chia có giá trị 1.034.500.000đồng, thuộc một phần thừa số 02, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ năm 1986) và một phần thừa số 18 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Cường được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên diện tích đất được chia gồm: 01 nhà ngói kết hợp lợp Proximăng có tổng diện tích xây dựng 25,4m² có giá trị 5.748.020đồng (nhà của các cổ để lại); 02 cây chuối có giá trị 50.000đồng; 01 cây cau có giá trị 100.000đồng (là các cây do ông Bảo trồng). Tổng giá trị tài sản được chia là 1.040.248.020đồng. So với kỷ phần được chia (1.040.419.043đồng) chênh lệch nhỏ, ông Cường không có yêu cầu gì.

Ông Cường có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 150.000đồng là giá trị các cây trồng trên đất.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 9, được giới hạn bởi các điểm 17, 18, 19, 20, 73, 70, 17 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.4. Chia cho bà Chu Thị Hương được sử dụng 80m² đất (trong đó có 40m² đất ở tại vị trí 3; 40m² đất là loại đất ao) và 9,9m² đất loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.078.000.000đồng, một phần thuộc thừa số 02, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ năm 1986), một phần thuộc thừa số 18, tờ bản

đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Hương được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên diện tích đất được chia gồm: nhà xây gạch không mái có diện tích $5,8\text{m}^2$ có giá trị 1.312.540đồng; tường hoa cao 0,8, dài 3,17m có giá trị 287.065đồng; sân gạch cũ $27,5\text{m}^2$ có giá trị 767.250đồng (do hai cổ để lại); Nhà tạm kết cấu khung thép và lưới B40, quây bạt lợp tôn diện tích $4,3\text{m}^2$ có giá trị 404.060đồng; nhà 1 tầng mái lợp Proximang diện tích $4,3\text{m}^2$ có giá trị 1.208.953đồng; nhà 1 tầng mái lợp Proximang diện tích $10,7\text{m}^2$ có giá trị 7.264.000đồng. Tổng giá trị tài sản được chia 2.080.366.855đồng. So với kỹ phần được chia (2.080.838.086đồng), chênh lệch nhỏ bà Hương không có yêu cầu gì.

Bà Hương có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo, bà Hòa số tiền 8.877.013đồng là giá trị các công trình do gia đình ông Bảo, bà Hòa xây dựng. Cụ thể, thanh toán cho ông Bảo 1.613.013đồng; thanh toán cho bà Hòa 7.264.000đồng.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 12, được giới hạn bởi các điểm 67, 68, 70, 73, 72, 71, 67 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.5. Chia cho bà Chu Thị Hòa được sử dụng 84m^2 đất (trong đó có 40m^2 đất ở vị trí 3 và 44m^2 đất là loại đất ao) và $6,026\text{m}^2$ đất loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.080.520.000đồng thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ năm 1986), 1 phần thửa số 18, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Hòa được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm nhà mái bằng, sân gạch diện tích $18,6\text{m}^2$, sân bê tông diện tích $6,9\text{m}^2$ (do bà Hòa xây dựng), nhà tạm kết cấu cột tròn thép diện tích 13m^2 (do bà Hòa xây dựng) và 9 cây chuối (do ông Bảo trồng) có giá trị 225.000đồng. Bà Hòa có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 225.000đồng là giá trị các cây do ông Bảo trồng. Tổng giá trị di sản được chia là (2.080.520.000đồng), so với kỹ phần được chia (2.080.838.086đồng) chênh lệch nhỏ, bà Hòa không có kháng cáo, yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 8, được giới hạn bởi các điểm 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 64, 66, 67, 71, 72, 25 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.6. Chia cho ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận, ông Nguyễn Mạnh Doanh (ông Doanh đã chết nên bà Nguyễn Thị Thom, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thị Thanh

Thủy) được sử dụng diện tích 100m² đất nằm ở vị trí số 3. Phần diện tích đất được chia có giá trị 2.700.000.000đồng thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 1 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội và được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm 2 khóm tre khoảng 80 cây có giá trị 2.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản được chia là 2.702.000.000đồng, so với kỹ phần được chia vượt quá 2.000.000đồng. Do không có ai yêu cầu nên các con, cháu của cụ Thịnh nêu trên không phải thanh toán giá trị chênh lệch 2.000.000 cho ai.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 1, được giới hạn bởi các điểm 55, 56, 57, 1, 2, 3, 58, 55 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.7. Chia ông Chu Kế Nghiệp được sử dụng 83,69m² đất (trong đó có 30m² đất ở vị trí 3; 53,69m² đất là loại đất ao) và 9,836m² đất là loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung, có giá trị 2.080.520.000đồng thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. So với kỹ phần được chia (2.080.838.086đồng), chênh lệch nhỏ, ông Nghiệp không có yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 7, được giới hạn bởi các điểm 39, 40, 41, 42, 43, 65, 63, 66, 64, 39 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.8. Chia cho ông Chu Văn Thông (ông Thông đã chết nên bà Hiền, anh Khánh, anh Tuấn Anh, anh Hải) được hưởng quyền sử dụng diện tích 63,55m² đất (trong đó có 19,6m² đất ở vị trí 3; 43,95m² đất là loại đất ao) và 7,559m² đất loại đất ao sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích đất được chia có giá trị 1.559.380.000đồng thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 1 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Hiền, anh Khánh, anh Tuấn Anh, anh Hải được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm: 02 khóm tre có khoảng 40 cây có giá trị 1.000.000đồng, cổng và trụ cổng bằng thép có giá trị 2.166.000đồng (do ông Bảo làm). Ông Thông có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 2.166.000đồng. Tổng số tài sản ông Thông được chia có giá trị 1.560.380.000đồng. So với kỹ phần được chia (1.560.628.565đồng) chênh lệch nhỏ, những người thừa kế của ông Thông không có ý kiến gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 2, được giới hạn bởi các điểm 53, 54, 55, 58, 59, 53 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.9. Chia cho ông Chu Kế Truyền được sử dụng diện tích 124m² đất (trong đó có 20m² đất tại vị trí 3; 104m² đất là loại đất ao) và 12,036m² đất là loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.860.720.000đồng, thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Diền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Truyền được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm: tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m, dài 10,64m, có giá trị 4.574.000đồng; công sức san lấp 102m² có giá trị 10.200.000đồng (đều của ông Bảo làm). Ông Truyền có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 14.774.000đồng. Tổng giá trị tài sản được chia là 2.860.720.000đồng so với kỹ phần được chia (2.861.152.368đồng) chênh lệch nhỏ, ông Truyền không có yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 4, được giới hạn bởi các điểm 49, 50, 51, 60, 61, 49 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.10. Chia cho bà Chu Thị Ngân được sử dụng diện tích 105m² đất (trong đó có 13m² đất tại vị trí 3 và 92m² đất là loại đất ao) và 7,404m² đất là loại đất ao dùng để làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.339.080.000đồng thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Diền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Ngân được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm: 01 khóm tre khoảng 60 cây có giá trị 1.500.000đồng; tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m, dài 4,19m có giá trị 1.801.319đồng, công san lấp 3,1m² có giá trị 310.000đồng. Bà Ngân có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 2.111.319đồng là tường gạch và công san lấp nền của ông Bảo. Tổng giá trị tài sản được chia có giá trị 2.340.580.000đồng, so với kỹ phần được chia (2.340.942.847đồng) chênh lệch nhỏ, bà Ngân không có yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 3, được giới hạn bởi các điểm 51, 52, 53, 59, 60, 51 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.11. Chia cho bà Chu Thị Nguyệt được sử dụng diện tích 105m² đất (trong đó có 13m² đất tại vị trí 3 và 92m² đất là loại đất ao) và 7,479m² đất là loại đất ao sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.340.580.000đồng, thuộc

một phần thửa đất 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 19 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Nguyệt được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m dài 14,62m có giá trị 6.285.000đồng; công sức san nền 38,6m² có giá trị là 3.860.000đồng. Bà Nguyệt có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 10.145.000đồng là giá trị tường và công san nền của ông Bảo. Tổng cộng giá trị di sản được chia có giá trị 2.340.580.000đồng. So với kỹ phần được chia (2.340.942.847đồng) chênh lệch nhỏ, bà Nguyệt không có yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được nằm ở ô số 6, được giới hạn bởi các điểm 43, 44, 45, 46, 47, 62, 63, 65, 43 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.12. Chia cho bà Chu Thị Ngọc Cầm sử dụng diện tích 114,86m² đất (trong đó có 5m² đất ở vị trí 3; 109,86m² đất là loại đất ao) và 0,82m² đất loại đất ao sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.348.600.000đồng thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 19 tờ bản đồ số 5 (theo Bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Cầm được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm công san nền 114,86m² có giá trị 11.486.000đồng. Bà Cầm có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.486.000đồng là công san nền cho ông Bảo. Tổng cộng tài sản được chia có giá trị 2.348.600.000đồng. So với kỹ phần được chia (2.340.942.847đồng) vượt quá 7.657.153đồng.

Bà Cầm có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Ngọc Châu số tiền 1.310.245đồng là kỹ phần ông Bảo thanh toán cho ông Châu còn thiếu.

Ngoài ra không có ai yêu cầu phải thanh toán phần còn thiếu so với kỹ phần được chia nên bà Cầm không phải thanh toán cho ai số tiền chênh lệch còn lại.

(Phần diện tích đất bà Cầm được chia nằm ở ô số 5, được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 61, 62, 47 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

2.5.3.13. Ông Chu Ngọc Châu được nhận giá trị kỹ phần thừa kế được chia từ ông Chu Văn Bảo là 2.079.527.841đồng và từ bà Chu Thị Ngọc Cầm là 1.310.245đồng.

3. Xác định ngõ đi chung:

- Ông Chu Chiên Hữu, ông Chu Văn Bảo, bà Chu Thị Hòa, các con, cháu cụ Chu Thị Thịnh, ông Chu Kế Nghiệp, ông Chu Kế Truyền, bà Chu Thị Ngân, bà Chu

Thị Nguyệt, bà Chu Thị Ngọc Cẩm, bà Chu Thị Hương, vợ con của ông Chu Văn Thông được sử dụng ngõ đi chung (cổng số 1) có diện tích 100,1m² (loại đất ao), thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) và một phần các thửa 1, 18, 19 tờ bản đồ số 5 (theo Bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, trong đó có 31,9m² đất ông Bảo san nên có giá trị 3.190.000đồng và tường xây dài 19,52m, cao 0,8m có giá trị 8.392.000đồng. Tổng giá trị tài sản trên ngõ đi là 11.582.000đồng, mỗi ông bà nêu trên phải thanh toán cho ông Bảo 1.052.909đồng.

Để đảm bảo việc sử dụng ngõ đi chung, gia đình ông Bảo phải dỡ bỏ tường xây (cao 0,8m, dài 19,52m) của gia đình ông Bảo làm trước đây. Nếu ông Bảo không tự nguyện tháo dỡ thì những người nêu trên có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành việc tháo dỡ để đảm bảo lối đi chung.

(Diện tích ngõ đi chung (cổng số 1) được giới hạn bởi các điểm: 3, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 66, 67, 68, 69, 4, 3 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

- Bà Chu Thị Hòa, ông Nguyễn Trọng Cường, bà Chu Thị Hương được sử dụng ngõ đi chung (cổng số 2) có diện tích 19,4m² thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) và một phần thửa số 18 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Phần ngõ đi này lát gạch chỉ, có giá trị 374.420đồng, trên ngõ có hai trụ cổng, hai cánh cổng sắt có giá trị 1.406.724đồng; có 3 cây cau trị giá 300.000đồng; 02 cây chuối trị giá 40.000đồng. Tổng giá trị tài sản trên ngõ đi là 2.121.144đồng. Ông Cường, bà Hòa, bà Hương mỗi người phải thanh toán cho ông Bảo là 707.048đồng.

Để đảm bảo lối đi chung, gia đình ông Bảo phải tháo dỡ bỏ 2 trụ cổng, hai cánh cổng sắt, 3 cây cau và 02 cây chuối. Nếu ông Bảo không tự nguyện tháo dỡ thì những người nêu trên có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành việc tháo dỡ để đảm bảo lối đi chung.

(Diện tích ngõ đi chung (cổng số 2) được giới hạn bởi các điểm 20, 21, 22, 23, 25, 72, 73, 20 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

4. Đối với Luật sư đề nghị xem xét việc bị đơn có yêu cầu phản tố nhưng không được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét, đây là một trong những căn cứ để Luật sư đề nghị hủy đối với bản án sơ thẩm. Xét thấy, tại bản khai ngày 23/4/2018 (BL 97) ông Bảo không có yêu cầu cụ thể về việc đề nghị chia di sản thừa kế đối với nhà, đất tại 59 Đinh Tiên Hoàng, lời khai của ông Bảo chưa thể hiện có yêu cầu phản tố. Quá trình giải quyết vụ án ông Bảo không làm đơn yêu cầu phản tố và cũng không nộp

các tài liệu, chứng cứ chứng minh ông Bảo có quyền yêu cầu chia thừa kế đối với nhà, đất tại 59 Đinh Tiên Hoàng. Tòa án đã nhiều lần gửi Giấy triệu tập nhưng ông Bảo cũng như vợ, con ông Bảo không đến Tòa án làm việc theo Giấy triệu tập. Do không có quan điểm rõ ràng cũng như không có đơn yêu cầu phản tố và tài liệu, chứng cứ chứng minh về yêu cầu phản tố, nên Tòa án cấp sơ thẩm không xác định đề nghị của ông Bảo là yêu cầu phản tố để xem xét cho nộp tạm ứng án phí là có cơ sở. Tuy nhiên việc không xem xét để giải quyết trong cùng vụ án này không làm mất đi quyền khởi kiện yêu cầu chia thừa kế đối với nhà đất tại 59 Đinh Tiên Hoàng nếu ông Bảo có căn cứ chứng minh quyền có yêu cầu và thời hiệu khởi kiện chia thừa kế đối với nhà đất này thì vẫn có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

5. Đối với bà Nguyễn Thị Thơm là vợ ông Nguyễn Mạnh Doanh (ông Doanh là con đẻ của Chu Thị Thịnh). Ông Doanh chết năm 2019, lẽ ra Tòa án cấp sơ thẩm phải xác định vợ, con ông Doanh là người trong hàng thừa kế thứ nhất của ông Doanh là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Doanh để đưa vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tuy nhiên Tòa án cấp sơ thẩm chỉ đưa hai con đẻ của ông Doanh vào tham gia tố tụng là thiếu sót.

Tuy nhiên tại cấp phúc thẩm, Tòa án đã bổ sung bà Thơm vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của ông Doanh. Bà Thơm đồng ý tham gia tố tụng tại cấp phúc thẩm và không đề nghị quay lại giai đoạn sơ thẩm. Bà Thơm đề nghị giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do vậy thiếu sót của Tòa án cấp sơ thẩm được khắc phục ở giai đoạn phúc thẩm, bà Thơm cũng đã được đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp.

Đối với một số thiếu sót khác như trong Biên bản định giá ghi thiếu giá của 05 khóm tre; Căn cứ để xác định giá đất, vị trí đất và tính chính xác so với bản đồ năm 1994; diện tích đất đo thực tế chênh lệch so với bản đồ năm 1994...Tòa án cấp phúc thẩm đã có buổi làm việc với các thành viên Hội đồng định giá và đại diện UBND xã Tứ Hiệp, Thanh Trì, Hà Nội. Tại Biên bản làm việc ngày 13/11/2020 các thành viên trong Hội đồng định giá xác định, do biên bản ghi thiếu giá tiền của 05 khóm tre, thực tế Hội đồng có định giá 05 khóm tre phù hợp với số tiền ghi trong bản án sơ thẩm (5.000.000đ/5 khóm) nên đã được bổ sung vào Biên bản làm việc nêu trên.

Đối với diện tích đất đo đạc thực tế chênh lệch so với bản đồ năm 1994 nhưng ít hơn so với bản đồ năm 1986. Cũng tại Biên bản làm việc ngày 13/11/2010, UBND xã Tứ Hiệp cho biết, kích thước thửa đất có sự tăng giảm, biến động là do trước đây

khi lập bản đồ địa chính việc đo đất được thực hiện thủ công, đo bằng tay, sau này mới đo bằng máy. Việc đo vẽ đều trên cơ sở người sử dụng đất chỉ diện tích sử dụng đất đến đâu thì cơ quan đo đạc thực hiện đo đến đó. Vị trí đất tranh chấp có 2 mặt tiếp giáp với hộ liền kề, hai mặt tiếp giáp với đất công, đến thời điểm hiện tại không có tranh chấp, khiếu nại gì.

Như vậy, căn cứ vào kết quả xác minh nêu trên thì thửa đất tranh chấp có diện tích đất đo thực tế chênh lệch so với bản đồ năm 1986 và bản đồ năm 1994. Tuy nhiên xét thấy việc sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp với các hộ liền kề, không có quyết định nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc thu hồi đất. Thửa đất này hiện nay chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do vậy cần căn cứ vào sơ đồ đo vẽ và thực tế sử dụng đất để xác định toàn bộ diện tích 1.855,6m² đất có nguồn gốc của các cụ đời ông, cha nay được xác định là di sản thừa kế của cố Lượng và cố Mùi để lại. Căn cứ vào yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn và yêu cầu độc lập đòi quyền thừa kế về tài sản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận và giải quyết việc chia thừa kế theo pháp luật đối với phần diện tích đất nêu trên là có căn cứ.

Những phân tích nêu trên cũng là căn cứ để Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Bảo, về việc không đồng ý chia di sản thừa kế. Tuy nhiên do bản án sơ thẩm sai sót về số liệu, và cách tuyên khi chia thừa kế về phần hiện vật nên Tòa án cấp phúc thẩm sửa cho phù hợp để đảm bảo thi hành án. Một số sai sót khác đã được khắc phục ở cấp phúc thẩm nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm dẫn đến vụ án bị kéo dài, gây bức xúc cho đương sự, ảnh hưởng đến an ninh trật tự tại địa phương.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử

6. Về án phí:

- Bà Chu Thị Ngọc Cẩm (tức Chu Ngọc Cẩm), ông Chu Văn Bảo, ông Nguyễn Trọng Cường, ông Chu Ngọc Châu, bà Chu Thị Hòa được miễn tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Bà Cẩm được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long; các con, cháu của cụ Thịnh; ông Chu Kế Nghiệp, bà Chu Thị Hương; bà Chu Thị Ngân; bà Chu Thị Nguyệt; ông Chu Kế Truyền; vợ, con ông Thông phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 609, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651, 652, Điểm d khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;

Khoản 4 Điều 4 Nghị Quyết 02/2016/NQ-HĐTP ngày 30/6/2016; Pháp lệnh thừa kế năm 1990; Nghị quyết 02/HĐTP ngày 19/10/1990 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao (Giải đáp số 01/GĐ-TANDTC ngày 05/01/2018),

Căn cứ điểm đ, Khoản 1, Điều 12, Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia thừa kế theo pháp luật của đồng nguyên đơn - bà Chu Thị Ngọc Cầm, ông Chu Văn Thông (ông Thông đã chết nay do bà Dương Thị Bích Hiền, anh Chu Tuấn Hải, anh Chu Tuấn Anh và anh Chu Ngọc Khánh kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng), ông Chu Kế Truyền, bà Chu Thị Nguyệt và bà Chu Thị Ngân, đối với phần thừa kế của cụ Chu Văn Vượng được hưởng từ cố Chu Văn Lượng và cô Chủ Thị Mùi để lại.

2. Chấp nhận yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của ông Chu Chiến Hữu và ông Chu Long về chia thừa kế theo pháp luật đối với phần thừa kế của cụ Chu Ngọc Minh được hưởng từ cố Chu Văn Lượng và cô Chủ Thị Mùi để lại.

3. Xác định thời điểm mở thừa kế của cố Chu Văn Lượng là năm 1950; cố Chủ Thị Mùi là năm 1945.

4. Xác định hàng thừa kế thứ nhất của cố Chu Văn Lượng, cố Chủ Thị Mùi là cụ Chu Văn Vượng, cụ Chu Thị Thịnh và cụ Chu Ngọc Minh.

Xác nhận cụ Chu Văn Vượng chết ngày 06/7/1990, cụ Chu Ngọc Minh chết ngày 03/4/2014, cụ Chu Thị Thịnh chết ngày 30/12/2017.

5. Xác định di sản thừa kế của hai cố Chu Văn Lượng, cố Chủ Thị Mùi để lại là diện tích đất 1.855,6m² trên đất có ngôi nhà 5 gian, sân gạch, bức chường xây tường, tường hoa và 05 khóm tre thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) và thửa số 01, 18, 19 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội, có giá trị là 47.725.394.271 đồng.

6. Công nhận cụ Chu Văn Vượng có hai người vợ là cụ Nguyễn Thị Nghĩ (chết năm 2011) và cụ Chu Thị Nhạn (chết ngày 19/5/2017).

Xác nhận những người được hưởng thừa kế của cụ Chu Văn Vượng, cụ Nguyễn Thị Nghĩ và cụ Chu Thị Nhạn là ông Chu Văn Bảo, ông Chu Ngọc Châu, bà Chu Thị Hương, bà Chu Thị Hoà, bà Chu Thị Ngọc Cẩm, bà Chu Thị Ngân, bà Chu Thị Nguyệt, ông Chu Kế Truyền, ông Chu Văn Thông (ông Thông đã chết ngày 21/3/2020, nay do bà Dương Thị Bích Hiền, anh Chu Tuấn Hải, anh Chu Tuấn Anh và anh Chu Ngọc Khánh là người thừa kế chuyển tiếp), ông Chu Kế Nghiệp, bà Chu Thị Vân (bà Vân đã chết ngày 28/10/1990, nay do ông Nguyễn Trọng Cường, anh Nguyễn Trọng Hùng, chị Nguyễn Thị Thu Huyền là người thừa kế chuyển tiếp).

7. Xác nhận những người được hưởng thừa kế của cụ Chu Thị Thịnh là ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận, ông Nguyễn Mạnh Doanh (ông Doanh đã chết nên vợ, con ông Doanh là bà Nguyễn Thị Thơm, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thanh Thủy là người thừa kế chuyển tiếp).

8. Xác nhận những người được hưởng thừa kế của cụ Chu Ngọc Minh là cụ Trần Thị Lan, ông Chu Chiến Hữu và ông Chu Long.

9. Trích $\frac{1}{2}$ kỷ phần thừa kế để tính công sức bảo quản, duy trì tôn tạo di sản cho vợ chồng ông Chu Văn Bảo là **6.817.913.467đồng**. Giá trị di sản còn lại của cụ Chu Văn Vượng, cụ Chu Thị Thịnh, cụ Chu Ngọc Minh, mỗi cụ được hưởng kỷ phần thừa kế của hai cố Chu Văn Lượng, cố Chử Thị Mùi để lại là **13.635.826.934đồng**.

10. Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Chu Thị Thịnh (cụ Thịnh đã chết) nay do các con, cháu cụ Chu Thị Thịnh là ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận, ông Nguyễn Mạnh Doanh (ông Doanh đã chết nên vợ, con ông Doanh là bà Nguyễn Thị Thơm, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thanh Thủy) giữ nguyên ý chí của cụ Thịnh chỉ nhận 100m² đất trong kỷ phần thừa kế của cụ Thịnh được hưởng từ di sản của cố Lượng, cố Mùi.

- Ghi nhận sự tự nguyện của cụ Chu Thị Thịnh, nay do các con, cháu của cụ Thịnh là ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận, ông Nguyễn Mạnh Doanh (ông Doanh đã chết nên vợ, con ông Doanh là bà Nguyễn Thị Thơm, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thanh Thủy) giữ nguyên ý chí của cụ Thịnh nhường kỷ phần thừa kế còn lại cho ông Chu Văn Bảo, ông Chu Ngọc Châu, bà Chu Thị Hương, bà Chu Thị Hòa, bà Chu Thị Ngọc Cẩm, bà Chu Thị Ngân, bà Chu Thị Nguyệt, ông Chu Kế Truyền, ông Chu Kế

Nghiệp, ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long, ông Chu Văn Thông (do vợ, con ông Thông là bà Dương Thị Bích Hiền, anh Chu Tuấn Hải, anh Chu Tuấn Anh và anh Chu Ngọc Khánh), bà Chu Thị Vân (do chồng, con bà Vân là ông Nguyễn Trọng Cường, anh Nguyễn Trọng Hùng, chị Nguyễn Thị Thu Huyền), mỗi người được nhận thêm giá trị tài sản là **841.217.456đồng**.

11. Ghi nhận việc chị Nguyễn Thị Thu Huyền, anh Nguyễn Trọng Hùng nhường 1/2 giá trị kỷ phần thừa kế được nhận cho ông Nguyễn Trọng Cường, 1/2 giá trị kỷ phần thừa kế còn lại nhường cho bà Chu Thị Ngọc Cẩm, bà Chu Thị Ngân, bà Chu Thị Nguyệt và ông Chu Kế Truyền.

- Giá trị kỷ phần thừa kế ông Nguyễn Trọng Cường được nhận là 1.040.419.043đồng;

- Bà Chu Thị Ngọc Cẩm, bà Chu Thị Ngân, bà Chu Thị Nguyệt, ông Chu Kế Truyền, mỗi người được nhận thêm giá trị kỷ phần do chị Nguyễn Thị Thu Huyền anh Nguyễn Trọng Hùng nhường cho là 260.104.760đồng.

12. Ghi nhận việc ông Chu Văn Thông (nay do bà Dương Thị Bích Hiền, anh Chu Tuấn Hải, anh Chu Tuấn Anh và anh Chu Ngọc Khánh) nhường $\frac{1}{4}$ giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng cho ông Chu Kế Truyền có giá trị là 520.209.521đồng.

13. Xác nhận giá trị di sản thừa kế được chia như sau:

13.1 Các con, cháu cụ Chu Thị Thịnh gồm ông Nguyễn Mạnh Doanh (do bà Nguyễn Thị Thơm, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thanh Thủy), ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu và bà Nguyễn Thị Mận được hưởng giá trị di sản thừa kế là **2.700.000.000đồng**.

13.2. Ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long được hưởng giá trị di sản thừa kế là **15.318.261.846đồng**.

13.3. Bà Chu Thị Ngọc Cẩm, bà Chu Thị Ngân, bà Chu Thị Nguyệt mỗi người được hưởng giá trị di sản thừa kế là **2.340.942.847đồng**.

13.4. Ông Nguyễn Trọng Cường được hưởng giá trị di sản thừa kế là **1.040.419.043đồng**.

13.5. Ông Chu Văn Thông (ông Thông đã chết, nay do bà Dương Thị Bích Hiền, anh Chu Tuấn Hải, anh Chu Tuấn Anh và anh Chu Ngọc Khánh) được hưởng giá trị di sản thừa kế **1.560.628.565đồng**

13.6. Ông Chu Kế Truyền được hưởng giá trị di sản thừa kế **2.861.152.368đồng**.

13.7. Ông Chu Văn Bảo được hưởng giá trị di sản thừa kế **8.898.751.554đồng**.

13.8. Ông Chu Kế Nghiệp, bà Chu Thị Hương, bà Chu Thị Hòa, ông Chu Ngọc Châu mỗi người được hưởng giá trị di sản thừa kế là **2.080.838.086đồng**.

14. Phần chia thừa kế bằng hiện vật cụ thể như sau:

14.1. Chia cho ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long được sử dụng 445,2m² đất (trong đó có 400m² đất ở thuộc vị trí 1 và 45,2m² đất là loại đất ao) và 20,43m² đất là loại đất ao để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích đất được chia có giá trị 15.312.600.000đồng thuộc một phần thừa số 02, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ năm 1986) và một phần thừa số 1, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Hữu, ông Long được quản lý, sở hữu, sử dụng một số cây trồng trên diện tích đất được chia gồm: 01 cây khế có giá trị 300.000đồng, 01 cây sung có giá trị 85.000đồng, 02 cây roi có giá trị 700.000đồng (đều của ông Bảo trồng). Ông Hữu, ông Long có trách nhiệm thanh toán trả lại cho ông Bảo 1.085.000đồng tiền cây trồng trên đất. Tổng giá trị tài sản ông Hữu, ông Long được chia là 15.312.600.000đồng, so với kỷ phần được chia (15.318.261.846đồng) còn thiếu 5.661.846đồng. Ghi nhận ông Hữu, ông Long không yêu cầu ai phải thanh toán giá trị kỷ phần còn thiếu.

(Phần diện tích đất ông Hữu, ông Long được chia nằm ở ô số 11, được giới hạn bởi các điểm 4, 5, 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, 13, 69, 4 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.2. Chia ông Chu Văn Bảo được sử dụng 388,8m² đất (trong đó có 360m² đất ở vị trí 3; 28,8m² đất là loại đất ao) và 33,535m² đất là loại đất ao để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích đất được chia có giá trị 10.966.700.000đồng, thuộc một phần thừa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) và một phần thừa số 18 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội.

Ông Bảo được sở hữu, quản lý, sử dụng tài sản trên đất gồm nhà lợp ngói Proximăng, diện tích xây dựng 42,9m² có giá trị 9.708.270đồng; bức bình phong xây tường có giá trị 710.486đồng, sân gạch cũ diện tích 41,6m² có giá trị 1.160.640đồng (của các cổ để lại), cùng các công trình do gia đình ông Bảo xây dựng là nhà 2 tầng; nhà mái bằng 1 tầng; 01 nhà tạm kết cấu khung thép, mái lợp tôn; bể nước trên mái nhà; bể nước 7,68m²; nhà tạm kết cấu khung thép và lưới B40; mái lợp tôn; nhà tạm khung thép mái Proximăng, tường xây lan can và các cây do gia đình ông Bảo trồng trên đất. Tổng giá trị di sản thừa kế được chia là 10.978.279.396đồng, so với kỷ phần

được chia (8.898.751.554đồng) vượt quá 2.079.527.842đồng. Ông Bảo có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Ngọc Châu số tiền 2.079.527.842đồng.

(Phần diện tích đất ông Bảo được chia nằm ở ô số 10, được giới hạn bởi các điểm 13, 14, 15, 16, 17, 70, 68, 69, 13 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.3. Chia cho ông Nguyễn Trọng Cường được sử dụng 42m² đất (trong đó 15m² đất ở tại vị trí 3; 27m² đất là loại đất ao) và 4,475m² đất là loại đất ao để làm ngõ đi chung. Phần diện tích đất được chia có giá trị 1.034.500.000đồng, thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ năm 1986) và một phần thửa số 18 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Cường được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên diện tích đất được chia gồm: 01 nhà ngói kết hợp lợp Proximăng có tổng diện tích xây dựng 25,4m² có giá trị 5.748.020đồng (nhà của các cổ để lại); 02 cây chuối có giá trị 50.000đồng; 01 cây cau có giá trị 100.000đồng (là các cây do ông Bảo trồng). Tổng giá trị tài sản được chia là 1.040.248.020đồng. So với kỷ phần được chia (1.040.419.043đồng) chênh lệch nhỏ, ông Cường không có yêu cầu gì.

Ông Cường có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 150.000đồng là giá trị các cây trồng trên đất.

(Phần diện tích đất ông Cường được chia nằm ở ô số 9, được giới hạn bởi các điểm 17, 18, 19, 20, 73, 70, 17 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.4. Chia cho bà Chu Thị Hương được sử dụng 80m² đất (trong đó có 40m² đất ở tại vị trí 3; 40m² đất là loại đất ao) và 9,9m² đất loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.078.000.000đồng, một phần thuộc thửa số 02, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ năm 1986), một phần thuộc thửa số 18, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Hương được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên diện tích đất được chia gồm: nhà xây gạch không mái có diện tích 5,8m² có giá trị 1.312.540đồng; tường hoa cao 0,8, dài 3,17m có giá trị 287.065đồng; sân gạch cũ 27,5m² có giá trị 767.250đồng (do hai cổ để lại); Nhà tạm kết cấu khung thép và lưới B40, quay bạt lợp tôn diện tích 4,3m² có giá trị 404.060đồng; nhà 1 tầng mái lợp proximang diện tích 4,3m² có giá trị 1.208.953đồng; nhà 1 tầng mái lợp Proximang diện tích 10,7m² có giá trị 7.264.000đồng. Tổng giá trị tài sản được chia 2.080.366.855đồng. So với kỷ phần được chia (2.080.838.086đồng), chênh lệch nhỏ bà Hương không có yêu cầu gì.

Bà Hương có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo, bà Hòa số tiền 8.877.013đồng là giá trị các công trình do gia đình ông Bảo, bà Hòa xây dựng. Cụ thể, thanh toán cho ông Bảo 1.613.013đồng; thanh toán cho bà Hòa 7.264.000đồng.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 12, được giới hạn bởi các điểm 67, 68, 70, 73, 72, 71, 67 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.5. Chia cho bà Chu Thị Hòa được sử dụng 84m² đất (trong đó có 40m² đất ở vị trí 3 và 44m² đất là loại đất ao) và 6,026m² đất loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.080.520.000đồng thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02 (theo bản đồ năm 1986), 1 phần thửa số 18, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Diền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Hòa được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm nhà mái bằng, sân gạch diện tích 18,6m², sân bê tông diện tích 6,9m² (do bà Hòa xây dựng), nhà tạm kết cấu cột tròn thép diện tích 13m² (do bà Hòa xây dựng) và 9 cây chuối (do ông Bảo trồng) có giá trị 225.000đồng. Bà Hòa có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 225.000đồng là giá trị các cây do ông Bảo trồng. Tổng giá trị di sản được chia là (2.080.520.000đồng), so với kỹ phân được chia (2.080.838.086đồng) chênh lệch nhỏ, bà Hòa không có kháng cáo, yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 8, được giới hạn bởi các điểm 25, 26, 27, 28, 29, 30, 31, 32, 33, 34, 35, 36, 37, 38, 39, 64, 66, 67, 71, 72, 25 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.6. Chia cho ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận, ông Nguyễn Mạnh Doanh (ông Doanh đã chết nên bà Nguyễn Thị Thom, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thị Thanh Thủy) được sử dụng diện tích 100m² đất nằm ở vị trí số 3. Phần diện tích đất được chia có giá trị 2.700.000.000đồng thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 1 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Diền A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội và được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm 2 khóm tre khoảng 80 cây có giá trị 2.000.000đồng. Tổng giá trị tài sản được chia là 2.702.000.000đồng, so với kỹ phân được chia vượt quá 2.000.000đồng. Do không có ai yêu cầu nên các con, cháu của cụ Thịnh nêu trên không phải thanh toán giá trị chênh lệch 2.000.000 cho ai.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 1, được giới hạn bởi các điểm 55, 56, 57, 1, 2, 3, 58, 55 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.7. Chia ông Chu Kế Nghiệp được sử dụng 83,69m² đất (trong đó có 30m² đất ở vị trí 3; 53,69m² đất là loại đất ao) và 9,836m² đất là loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung, có giá trị 2.080.520.000đồng thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ số 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội. So với kỹ phần được chia (2.080.838.086đồng), chênh lệch nhỏ, ông Nghiệp không có yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 7, được giới hạn bởi các điểm 39, 40, 41, 42, 43, 65, 63, 66, 64, 39 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.8. Chia cho ông Chu Văn Thông (ông Thông đã chết nên bà Dương Thị Bích Hiền, anh Chu Tuấn Hải, anh Chu Tuấn Anh và anh Chu Ngọc Khánh) được hưởng quyền sử dụng diện tích 63,55m² đất (trong đó có 19,6m² đất ở vị trí 3; 43,95m² đất là loại đất ao) và 7,559m² đất loại đất ao sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích đất được chia có giá trị 1.559.380.000đồng thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 1 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Hiền, anh Khánh, anh Tuấn Anh, anh Hải được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm: 02 khóm tre có khoảng 40 cây có giá trị 1.000.000đồng, cổng và trụ cổng bằng thép có giá trị 2.166.000đồng (do ông Bảo làm). Ông Thông có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 2.166.000đồng. Tổng số tài sản ông Thông được chia có giá trị 1.560.380.000đồng. So với kỹ phần được chia (1.560.628.565đồng) chênh lệch nhỏ, những người thừa kế của ông Thông không có ý kiến gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 2, được giới hạn bởi các điểm 53, 54, 55, 58, 59, 53 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.9. Chia cho ông Chu Kế Truyền được sử dụng diện tích 124m² đất (trong đó có 20m² đất tại vị trí 3; 104m² đất là loại đất ao) và 12,036m² đất là loại đất ao dùng để sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.860.720.000đồng, thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 19, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Truyền được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm: tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m, dài 10,64m, có giá trị 4.574.000đồng; công sức san lấp 102m² có giá trị 10.200.000đồng (đều của ông Bảo làm). Ông Truyền có trách nhiệm thanh

toán cho ông Bảo số tiền 14.774.000đồng. Tổng giá trị tài sản được chia là 2.860.720.000đồng so với kỷ phần được chia (2.861.152.368đồng) chênh lệch nhỏ, ông Truyền không có yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 4, được giới hạn bởi các điểm 49, 50, 51, 60, 61, 49 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.10. Chia cho bà Chu Thị Ngân được sử dụng diện tích 105m² đất (trong đó có 13m² đất tại vị trí 3 và 92m² đất là loại đất ao) và 7,404m² đất là loại đất ao dùng để làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.339.080.000đồng thuộc một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 01, tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Ngân được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm: 01 khóm tre khoảng 60 cây có giá trị 1.500.000đồng; tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m, dài 4,19m có giá trị 1.801.319đồng, công san lấp 3,1m² có giá trị 310.000đồng. Bà Ngân có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 2.111.319đồng là tường gạch và công san lấp nền của ông Bảo. Tổng giá trị tài sản được chia có giá trị 2.340.580.000đồng, so với kỷ phần được chia (2.340.942.847đồng) chênh lệch nhỏ, bà Ngân không có yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 3, được giới hạn bởi các điểm 51, 52, 53, 59, 60, 51 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.11. Chia cho bà Chu Thị Nguyệt được sử dụng diện tích 105m² đất (trong đó có 13m² đất tại vị trí 3 và 92m² đất là loại đất ao) và 7,479m² đất là loại đất ao sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.340.580.000đồng, thuộc một phần thửa đất 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 19 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Diễn A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Nguyệt được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm tường xây rộng 0,11m, cao 0,8m dài 14,62m có giá trị 6.285.000đồng; công sức san nền 38,6m² có giá trị là 3.860.000đồng. Bà Nguyệt có trách nhiệm thanh toán cho ông Bảo số tiền 10.145.000đồng là giá trị tường và công san nền của ông Bảo. Tổng cộng giá trị di sản được chia có giá trị 2.340.580.000đồng. So với kỷ phần được chia (2.340.942.847đồng) chênh lệch nhỏ, bà Nguyệt không có yêu cầu gì.

(Phần diện tích đất được chia nằm ở ô số 6, được giới hạn bởi các điểm 43, 44, 45, 46, 47, 62, 63, 65, 43 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.12. Chia cho bà Chu Thị Ngọc Cầm sử dụng diện tích 114,86m² đất (trong đó có 5m² đất ở vị trí 3; 109,86m² đất là loại đất ao) và 0,82m² đất loại đất ao sử dụng làm ngõ đi chung. Phần diện tích được chia có giá trị 2.348.600.000đồng thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986), một phần thửa số 19 tờ bản đồ số 5 (theo Bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Diên A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Cầm được quản lý, sở hữu, sử dụng tài sản trên đất gồm công san nền 114,86m² có giá trị 11.486.000đồng. Bà Cầm có trách nhiệm thanh toán số tiền 11.486.000đồng là công san nền cho ông Bảo. Tổng cộng tài sản được chia có giá trị 2.348.600.000đồng. So với kỷ phần được chia (2.340.942.847đồng) vượt quá 7.657.153đồng.

Bà Cầm có trách nhiệm thanh toán cho ông Chu Ngọc Châu số tiền 1.310.245đồng là kỷ phần ông Bảo thanh toán cho ông Châu còn thiếu.

Ngoài ra không có ai yêu cầu phải thanh toán phần còn thiếu so với kỷ phần được chia nên bà Cầm không phải thanh toán cho ai số tiền chênh lệch còn lại.

(Phần diện tích đất bà Cầm được chia nằm ở ô số 5, được giới hạn bởi các điểm 47, 48, 49, 61, 62, 47 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

14.13. Ông Chu Ngọc Châu được chia thừa kế bằng giá trị, kỷ phần thừa kế được nhận từ ông Chu Văn Bảo là 2.079.527.841đồng và từ bà Chu Thị Ngọc Cầm là 1.310.245đồng.

Các ông, bà được chia di sản thừa kế bằng hiện vật nêu trên, có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

15. Xác định ngõ đi chung:

- Ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long; ông Chu Văn Bảo; bà Chu Thị Hòa; các con, cháu cụ Chu Thị Thịnh là ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận, ông Nguyễn Mạnh Doanh (do bà Nguyễn Thị Thơm, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thị Thanh Thủy); ông Chu Kế Nghiệp; ông Chu Kế Truyền; bà Chu Thị Ngân; bà Chu Thị Nguyệt; bà Chu Thị Ngọc Cầm, bà Chu Thị Hương; vợ, con của ông Chu Văn Thông là bà Dương Thị Bích Hiền, anh Chu Tuấn Hải, anh Chu Tuấn Anh và anh Chu Ngọc Khánh, được sử dụng ngõ đi chung (cổng số 1) có diện tích 100,1m² (là loại đất ao), thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) và một phần các thửa 1, 18, 19 tờ bản đồ

số 5 (theo Bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Ông Hữu; bà Hòa; các con, cháu cụ Thịnh (1 người đại diện); ông Nghiệp; ông Truyền; bà Ngân; bà Nguyệt; bà Cẩm; bà Hương; vợ, con của ông Chu Văn Thông (1 người đại diện) mỗi người phải thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 1.158.200đồng là giá trị tài sản trên ngõ do ông Bảo làm.

Để đảm bảo việc sử dụng ngõ đi chung, gia đình ông Chu Văn Bảo phải dỡ bỏ bức tường xây (cao 0,8m, dài 19,52m do ông Bảo xây dựng trước đây) nằm trên phần ngõ đi chung cổng số 1. Trường hợp ông Bảo không tự nguyện tháo dỡ thì những người nêu trên có quyền đề nghị cơ quan thi hành án thi hành việc tháo dỡ để đảm bảo sử dụng lối đi chung.

(Diện tích ngõ đi chung (cổng số 1) được giới hạn bởi các điểm: 3, 58, 59, 60, 61, 62, 63, 66, 67, 68, 69, 4, 3 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

- Bà Chu Thị Hòa, ông Nguyễn Trọng Cường, bà Chu Thị Hương được sử dụng ngõ đi chung (cổng số 2) có diện tích 19,4m² thuộc một phần thửa số 02, tờ bản đồ 02 (bản đồ năm 1986) và một phần thửa số 18 tờ bản đồ số 5 (theo bản đồ năm 1994), có địa chỉ tại thôn Cổ Điện A, xã Tứ Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Bà Hòa, ông Cường, bà Hương mỗi người phải thanh toán cho ông Chu Văn Bảo 707.048đồng là giá trị tài sản trên ngõ do ông Bảo làm.

Để đảm bảo lối đi chung, gia đình ông Bảo phải tháo dỡ bỏ 2 trụ cổng, hai cánh cổng sắt, 3 cây cau và 02 cây chuối, nằm trên phần ngõ đi chung cổng số 2. Trường hợp ông Bảo không tự nguyện tháo dỡ thì những người nêu trên có quyền đề nghị cơ quan thi hành án thi hành việc tháo dỡ để đảm bảo sử dụng lối đi chung.

(Diện tích ngõ đi chung (cổng số 2) được giới hạn bởi các điểm 20, 21, 22, 23, 25, 72, 73, 20 trên sơ đồ phân chia kèm theo bản án).

16. Về án phí:

- Bà Chu Thị Ngọc Cẩm, ông Chu Văn Bảo, ông Nguyễn Trọng Cường, ông Chu Ngọc Châu, bà Chu Thị Hòa được miễn và không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm đối với ông Chu Văn Bảo.

- Ông Chu Văn Bảo được hoàn lại số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Phiếu thu số 6461 ngày 20/01/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

- Bà Chu Thị Ngọc Cầm được nhận lại số tiền 13.000.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo Phiếu thu số 8554 ngày 26/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì.

- Ông Chu Chiến Hữu, ông Chu Long phải chịu 123.312.600đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 600.000đồng ông Hữu, ông Long đã nộp theo các phiếu thu số 8480, 8481 ngày 08/01/2019 tại chi Cục thi hành án dân huyện Thanh Trì. Ông Hữu, ông Long còn tiếp tục phải nộp số tiền án phí là 122.712.600đồng.

- Các con, cháu của cụ Chu Thị Thịnh (ông Nguyễn Mạnh Nhân, bà Nguyễn Thị Liễu, bà Nguyễn Thị Mận, bà Nguyễn Thị Thơm, anh Nguyễn Mạnh Đức, chị Nguyễn Thị Hồng Thắng và chị Nguyễn Thị Thanh Thủy), phải liên đới chịu chung một khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm là 72.040.000đồng.

- Ông Chu Kế Nghiệp, bà Chu Thị Hương mỗi người phải chịu 73.616.760đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Chu Thị Ngân, bà Chu Thị Nguyệt mỗi người phải chịu 78.818.840đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 13.000.000đồng bà Ngân đã nộp theo Phiếu thu số 8558 ngày 26/10/2017 và 13.000.000đồng bà Nguyệt đã nộp theo Phiếu thu số 8556 ngày 26/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Bà Ngân, bà Nguyệt mỗi người còn phải nộp 65.818.840đồng tiền án phí.

- Ông Chu Kế Truyền phải chịu 89.214.400đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 13.000.000đồng ông Truyền đã nộp theo Phiếu thu số 8557 ngày 26/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Ông Truyền còn phải nộp 76.214.400đồng tiền án phí.

- Bà Dương Thị Bích Hiền, anh Chu Tuấn Hải, anh Chu Tuấn Anh và anh Chu Ngọc Khánh phải chịu chung một khoản tiền án phí dân sự sơ thẩm là 58.800.000đồng, được trừ vào số tiền 13.000.000đồng ông Thông đã nộp theo Phiếu thu số 8555 ngày 26/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì. Số tiền án phí còn lại tiếp tục phải nộp là 45.800.000đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp Bản án, quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai phúc thẩm, có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát NDTP Hà Nội;
- Tòa án nhân dân huyện Thanh Trì;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Trì;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

Trần Thị Thu Nam